

# HIỂN MẬT VIÊN THÔNG THÀNH PHẬT TÂM YẾU TẬP

*Đạo Chân ở chùa Kim Hà núi Ngũ Đài soạn.*

## QUYỂN THƯỢNG

Một đời giáo hoá của Đức Như Lai, lời văn rộng rãi, giáo lý sâu xa, Hiển Mật đều gồm thấu tất cả.

Hiển: là các thừa kinh, luật, luận.

Mật: là các bộ Đà-Ra-Ni (Thần chú).

Từ khi ngài Ma-đăng truyền đạo vào đời Hán, ba tạng lần lần lan khắp xứ Trung Hoa. Ngài Vô Úy truyền đạo vào đời Đường, Ngũ Mật ở Trung Hoa mới bắt đầu hưng thịnh, chín phái đồng quy ngưỡng, bảy chúng đều vâng hành; lời nói pháp không thị phi, con người phân chia đường tu chứng, trải qua nhiều năm bị phai mờ sự hiểu lầm không phải ít. Hoặc có người học tập Hiển giáo, khinh chê Mật bộ, hoặc có kẻ chuyên Mật ngôn, mờ mịt lý thú của Hiển giáo, hoặc chăm học danh tướng, chưa biết được ngõ vào đạo; hoặc học chữ, tiếng ít biết quy tắc trì minh, giúp cho quán sâu xa, biến thành danh ngôn. Hiển Mật thần tông trở thành âm vận.

Nay tôi không so chút tài mọn, quyết nương vào hai tông: Hiển và Mật để lược bày tâm yếu thành Phật. Ngõ hầu hy vọng tương lai mọi người được viên thông, nên nương vào giáo lý lược bày bốn môn:

1. Hiển Giáo Tâm yếu.
2. Mật Giáo Tâm yếu.
3. Hiển Mật Song Biện.
4. May mắn gặp gỡ pháp môn vô giá này, hết lòng vui mừng.

(Trong bốn đoạn dưới đây, vì tránh văn nghĩa phiền phức, hoặc ám dụng Thánh giáo, hoặc dẫn nghĩa văn kinh, người xem nên biết) Đầu tiên nói về Hiển Giáo tâm yếu, ngài Hiền Thủ, ngài Thanh Lương đều chia sự giáo hoá một đời của Đức Phật ra làm năm thời:

## **I. HIỂN GIÁO TÂM YẾU:**

### **1. Tiểu thừa giáo**

A-hàm v.v... gồm có sáu trăm quyển kinh, Bà-sa v.v... hơn sáu trăm quyển luận.

Nói tất cả các pháp từ nhân duyên sinh, chỉ rõ ba cõi không an cũng như nhà lửa, thấu rõ chân lý nhân không, tu hành tự lợi, sung sướng được chứng quả Tiểu thừa.

### **2. Đại thừa Thỉ giáo: có hai.**

a) Pháp Tướng Tông: gồm có kinh Thâm Mật, kinh Phật Địa, v.v... có đến cả mười bộ kinh. Du-già, Duy Thức, v.v... có đến hàng trăm quyển luận, nói tất cả các pháp đều Duy thức, hiểu rõ chân lý Nhị Không; tu sáu độ muôn hạnh thẳng đến Phật quả đại thừa. Trong đó, phần nhiều nói về Pháp Tướng mà thôi.

b) Vô Tướng Tông: gồm có Bát-nhã v.v... hơn một ngàn quyển kinh. Trung Luận, Bách Môn Luận, v.v... các bốn luận văn đó nói tất cả các pháp xưa nay là không. Vô thỉ mê tình vọng nhận là có. Muốn chứng đạo Bồ-đề lấy đó làm sở đắc, để tu tập muôn hạnh. Trong đây phần nhiều nói nghĩa Không, Vô tướng, hai tông này đều là sơ môn của Đại thừa, nên gọi là Thỉ, nghĩa là ban đầu.

**3. Nhất thừa Chung giáo:** Pháp Hoa, Niết-bàn, v.v... hơn bốn mươi bộ kinh. Bảo Tánh, Phật Tánh, v.v... hơn mười bộ luận nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Từ xưa đến nay sáng suốt không mờ, tỏ rõ thường biết, nhưng vì vô thỉ mê vọng, điên đảo, không tự giác ngộ. Muốn chứng quả Phật, trước phải tỏ ngộ Phật tánh của chính mình sẵn có, sau mới đem tánh ấy tu tập: vốn có vô Lượng Diệu hạnh. Ở đây hoàn toàn nói về Pháp tánh, là tận lý của giáo pháp. Đại thừa, nên gọi là Chung, chung nghĩa là hết.

**4. Nhất thừa Đốn giáo:** Gồm có kinh Lăng-già, Tư-ích, Ngài Đạt-ma đã truyền Thiền tông, nói tất cả vọng tưởng vốn không, chân tâm vốn tịnh, vốn không có phiền não, vốn là Bồ-đề, chỉ nói chân tánh, không nương cấp bậc mà thành Phật, nên gọi là Đốn.

**5. Bất Tư Nghì thừa Viên giáo:** Chỉ có kinh Hoa Nghiêm, Luận Thập Địa, hoàn toàn nói: Pháp Giới Tỳ-lô, biển hạnh Phổ Hiền. Trong đó đều có hoặc Sự, hoặc Lý, hoặc Nhân, hoặc Quả. Một mà đầy đủ tất cả, lớp lớp vô tận. Bao gồm các pháp, không một pháp nào không thu nhiếp. Xứng tánh tự tại, không chướng không ngại, xa hẳn các thuyết nghiêng lệch, nên gọi là Viên. Năm thời giáo này, trước là hẹp hòi, là quyền dụ, sau cùng là sâu mầu, là chân thật. Nếu dùng Viên giáo mà so

sánh, bốn thời giáo trước đều tạm quyền mà nói ra.

(Nay nói theo lý tương đối, thì bốn thời trước là Quyền, Viên giáo là Thật. Nếu định chấp Viên giáo là thật, thì sẽ thiếu khuyết bốn thời trước, như thế không phải là người thông suốt Viên giáo đầy đủ. Nếu năm thời giáo đều truyền bá, thì Thiên Viên cùng khen ngợi, hiệp được mọi căn cơ mới đầy đủ. Như trong Viên giáo dưới đây, đều bao gồm đầy đủ các giáo lý pháp môn trước, cho nên không tách riêng ra mà nói). Nay nương theo Viên giáo tu hành, lược chia làm hai phần: Ban đầu ngộ pháp giới Tỳ-lô, sau tu biến hạnh Phổ Hiền. Ban đầu ngộ pháp giới Tỳ-lô nghĩa là trong kinh Hoa Nghiêm nói: Nhất chân vô chướng ngại pháp giới, hoặc là nhất tâm ở trong đó đầy đủ ba thế gian:

1. Khí Thế Gian: là nói tất cả cõi nước.
2. Chúng sinh Thế Gian: nói tất cả hữu tình.
3. Trí Chánh Giác Thế Gian: nói tất cả bậc Thánh.

- Bốn pháp giới:

1. Sự Pháp giới
2. Lý Pháp giới
3. Sự Lý Vô Ngại Pháp giới
4. Sự Sự Vô Ngại Pháp giới

Tất cả các pháp nhiệm tịnh, không có một pháp nào nằm ngoài pháp giới này. Đây là chân tâm căn bản của tất cả phàm phu, cũng là chân tâm căn bản của bậc thánh.

- Nói rộng Chân tâm có hai:

- 1) Đồng giáo chân tâm.
- 2) Biệt giáo chân tâm.

- Đồng Giáo lại có hai:

- 1) Chung Giáo chân tâm.
- 2) Đốn Giáo chân tâm.

Trước hết về Chung giáo chân tâm:

***Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép:*** “Phải biết hư không sinh ra trong tâm ông, cũng như một đám mây điểm giữa bầu trời xanh, hướng chỉ là các thế giới ở trong hư không ư?” (Chân tâm của ta, cũng như bầu trời trong xanh, hư không mười phương cũng như một đám mây, thì biết chan tâm rất rộng lớn, hư không rất nhỏ. Hư không so với chân tâm cũng còn rất nhỏ, hướng chỉ các thế giới ở trong hư không). Lại nói rằng: “Hư không sinh ra đại giác, cũng như bọt nước sinh trong biển lớn, vi trần cõi nước hữu lậu, đều nương hư không mà sinh”. Đại giác là tên khác của chân tâm, chân tâm rất rộng lớn, cũng như biển lớn. Hư không rất nhỏ

in tuồng một hòn bọt nước. Huống chi các cõi nước, đều nương hư không mà sinh. Nếu so với chân tâm, tức là nhỏ trong cái nhỏ.

Lại nữa, chân tâm cùng khắp và tròn đầy, bao gồm cả mười phương. Quán sát tại thân cha mẹ sinh ra, giống như trong hư không mười phương kia mà thổi một hạt bụi, thoát còn thoát mất. Lại nói: (Không biết sắc thân cho đến núi sông đất đai, hư không đều là vật ở trong chân tâm Diệu minh). Lại nói: “Tất cả các vật có trong thế gian đều là chân tâm Bồ-đề Diệu minh” (Đã nói: Tức là chân tâm Bồ-đề Diệu minh, thì không phải các pháp thế gian ở trong chân tâm có tự thể riêng. Tức biết tất cả pháp giới, hư không, mặt đất, hữu tình, vô tình, toàn là một vị chân tâm Diệu minh, vắng lặng thanh tịnh, không thêm, không bớt. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến giờ, mê mất chân tâm; vọng nhận bốn đại làm thân, duyên tự làm tâm. Thí như trăm nghìn biển lớn trong lặng không nhận, chỉ nhận một hòn bọt nhỏ. Nếu rõ thân bốn đại, tâm duyên lự, duyên sinh vô tánh, toàn là nước biển.

Gần đây có kẻ Nho sinh ít xem kinh Phật, nghe nói chân tâm rất rộng lớn, mờ mịt chưa tin.

Tôi xin nói thêm rằng: Đây chính là Đức Như Lai dạy: Chỉ có tự tâm mê muội, điên đảo không thấy, đâu thể tin là không có. Như sách Trang Tử ở thế tục còn nói rằng: Ở biển Bắc có con cá, tên là Côn, cá Côn lớn không biết bao nhiêu nghìn dặm; hoá thành con chim gọi là chim Bàng, lưng loại chim này dài không biết bao nhiêu nghìn dặm. Lúc giận, nó bay lên và dang cánh che phủ như mây trời. Bay đến biển Nam, bèn đập nước tung lên ba nghìn dặm, nổi sóng gió động đến chín ngàn dặm. Liệt Tử nói rằng: Đời đâu biết có con vật như thế đó? Ông Đại Võ đi đường nhìn thấy, ông Bá Ích biết mà đặt tên, ông Di Kiên để ý. Không nên mắt mình không thấy vật đó, rồi không tin là có. Sách thế tục còn nói: Có tướng vật kỳ lạ, huống chi Đức Như Lai đã nói Vô tướng chân tâm ư?

**Luận Bảo Tánh chép:** Người ở trong vỏ trứng làm sao thấy suốt được vũ trụ bao la? Câu nói đó thật đúng!

Sau đây là nói về Đốn Giáo chân tâm, nghĩa là tâm dứt bật đối đãi đầy đủ thanh tịnh, trong đó không dung nạp một cái gì khác, tất cả vọng tưởng xưa nay là không, chân tâm dứt bật đối đãi, xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa nghiêm chép: “Pháp tánh vốn vắng lặng, không chấp cũng không kiến; tánh không tức là Phật, không thể nghĩ lường được”. Luận Khởi Tín chép: “Tất cả các pháp từ vô thủy đến nay, lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng; không có thay

đổi, không thể phá hoại; chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như”. Về phần Chung giáo ở trước, tùy theo mê muội của chúng sinh, nói có sắc thân, núi sông, hư không mặt đất, các pháp thế gian, khiến các chúng sinh đổi vọng về chân. Rõ thấu sắc thân, núi sông hư không, đất đai các pháp thế gian, toàn là một vị chân tâm Diệu minh.

Nay trong Đốn giáo, vốn không có sắc thân, núi sông, hư không, các pháp thế gian như mặt đất, v.v... Vốn là một vị chân tâm dứt bật đối đãi. Cho nên Ngài Thanh Lương nói: “Tóm lại, không nói pháp tướng, chỉ nói rõ chân tánh, tức biết rõ trùm khắp pháp giới, vốn là một vị dứt bật đối đãi chân tâm, vắng lặng thanh tịnh, không sinh diệt, thêm bớt”. Muốn hiểu rõ sự trùm khắp của pháp giới, thí dụ nó giống như một viên ngọc tròn sáng, tỏ rõ, thanh tịnh, không hình không ảnh, không trong không ngoài. Ngài Thanh Lương nói: “Thể tịch chiếu diệu độc lập, vật ngã như một”.

Ngài Đạt-ma nói: “Pháp của ta lấy tâm truyền tâm, không lập văn tự!” tức là truyền tâm này. Ngài Tào Khê nói: “Gương sáng vốn thanh tịnh, cần gì phải lau chùi bụi trần?” cũng là tâm này. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, không rõ tâm này, vọng thấy các tướng cũng như mắt bị nhắm, thoát thấy hoa đốm giữa hư không. Kinh Viên Giác chép: “Vọng nhận bốn đại làm tự thân tướng. Bóng dáng của sáu trần làm tự tâm tướng”. Cũng như con mắt bệnh kia thấy hoa đốm giữa hư không. “Nếu rõ chân tâm, vốn không có các tướng, như trong hư không vốn không có các hoa đốm. Kinh Viên Giác chép: “Như Lai nhân địa tu Viên giác. Biết được không có hoa đốm thì không còn trôi lăn, cũng không có thân tâm chịu sinh tử, không tạo tác cho nên là không, vì bản tánh là không” Nay trong Đốn giáo dụ như không có hoa đốm rất là thiết yếu. Ngày nay, người xuất gia học Thiền rất rộng, nhưng đến khi nghe khai thị tâm này, phần nhiều không nhập thần được. như ông Diệp ưa thích loài rỗng, nhưng lúc có con rỗng thật hiện trước mặt, ông ta ngạc nhiên không đoái hoài đến. Nếu chưa ngộ tâm này, không gọi là bậc chân thiền định. Như vậy muốn tu hạnh tham thiền, thì trước phải tỏ ngộ nhất tâm này.

Biệt giáo chân tâm: Nhất chân vô chướng ngại đại pháp giới tâm, bao hàm ba thế gian, đầy đủ bốn pháp giới, bao gồm cả đây, cả kia, không có chướng ngại. Tức biết pháp giới bao la, trùm chứa mười phương, toàn là nhất chân đại pháp giới tâm. Ở trong nhất chân đại pháp giới này đã có: Phạm, Thánh, hoặc lý, hoặc sự. Tùy theo đó nêu một pháp, cũng toàn là đại pháp giới tâm.

**Kinh Hoa Nghiêm chép:** “Thế giới Hoa Tạng đã có trần; trong mỗi trần thấy pháp giới, lại một trần đã là một pháp giới tâm, trong một trần đại pháp giới này, lại nêu một trần cũng toàn là đại pháp giới tâm. Hoặc thời gian, hoặc không gian, lớp lớp nêu lên, lớp lớp đều là đại pháp giới tâm”. Cho nên Ngài Thanh Lương trong Hoa Nghiêm Thập địa phẩm sơ đã nói: “Đế Vông vô tận nhất tâm”. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay mê vọng, không biết vô tận pháp giới là tự thân tâm. Ở trong đó vốn đầy đủ sắc tâm công đức vô tận, tức cùng với Tỳ-lô-giá-na, thân tâm bình đẳng, bỏ mất thân tâm Phật, vô chương, vô ngại của chính mình, điên đảo chấp làm chúng sinh tạp nhiễm. Thí như Kim Luân Thánh Vương cai trị cả bốn thiên hạ, thân trí đầy đủ, giàu vui không ai sánh bằng. Thoạt nhiên ngủ mê, mộng thấy làm con kiến, ở trong mộng chỉ cho mình là kiến, không biết mình là Luân Vương.

(Pháp giới Vô tận của Phật, đời khó thấu được, nay chỉ dụ nghĩa: Mê chân, chấp vọng, người trí phải biết).

Vậy muốn cầu thành tựu quả Phật rốt ráo cần phải ngộ pháp giới Tỳ-lô, nếu chưa ngộ pháp giới này, dù trải qua nhiều kiếp tu tập muôn hạnh, cũng uổng công nhọc xác, không được gọi là Bồ-tát chân thật, cũng không thể sinh trong nhà của Đức Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Không rõ được tự tâm, làm sao biết Thánh đạo, trí huệ bị điên đảo, do đó thêm lớn tất cả việc ác. Ngài Thanh Lương nói: “Không nương sự ngộ này, việc làm không chân chánh, sự tu hành của mình sẽ ràng buộc thành nghiệp”. Vô tận pháp giới nhất tâm này, người ít hay biết, biết cũng ít tin, tin cũng ít hiểu, hiểu cũng khó đạt đến cảnh giới đó. Cho nên Bồ-tát nhiều kiếp không tin, không hiểu. Thượng thủ Thanh văn như đui, đui điếc. Nếu là người có túc căn viên mãn nên chú ý ở đây, ai dốc lòng tri ngộ, đương nhiên ngày nay sẽ sinh vào nhà Phật.

Sợ người khó tin, tôi xin kể câu chuyện trong Pháp Uyển Châu Lâm: “Có nhà ảo thuật, đi đường thấy người gánh một gánh, trên có cái lồng có thể chứa được con người, bèn bảo người gánh rằng: Tôi đi bộ mệt quá, muốn chun vô lồng của ông để nghỉ chân, mong ông vui lòng cho tôi được chui vào. Người gánh bèn nghĩ cho đó là kẻ khùng, bèn hỏi: Ông thử vào xem. Người kia bèn nhẩy vô lồng một cách nhẹ nhàng, tuy lồng chẳng lớn mấy mà nhà ảo thuật cũng không phải nhỏ. Người gánh đi mãi, vẫn không nặng nhọc. Đi được vài mươi dặm đường, ông ta đặt gánh bên gốc cây mà ăn uống, bèn mời người ảo thuật cùng ăn. Người ảo thuật nói rằng: “Tôi cũng có đầy đủ thức ăn. Người gánh

nhìn vào lồng thấy các vật dụng chứa đầy đồ ăn uống, bèn mời nhà ảo thuật cùng ăn. Nhà ảo thuật bảo người gánh rằng: Tôi muốn ăn chung với vợ tôi. Nói xong y hả miệng nhả ra một người con gái dung mạo đẹp đẽ và hai người cùng nhau ăn uống. Ăn xong, người chồng ngủ, còn cô vợ bảo người gánh rằng: Tôi có một người tình muốn đến dùng bữa với tôi. Khi chồng tôi thức dậy, ông chớ nên nói lại việc này. Cô gái liền há miệng nhả ra một người tình rồi cùng nhau ăn uống. Cả ba người đều ở trong lồng vẫn không thấy chật hẹp. Lát sau, nhà ảo thuật cựa mình sắp thức dậy, anh người tình bảo người gánh: chào ông tôi đi! Cô gái liền bỏ người tình vào miệng và đồ ăn uống cũng cất hết vào mồm. Rồi lúc nhà ảo thuật thức giấc cũng đem vợ bỏ vào miệng!” Đó là truyện tiểu thuyết của thế gian, lớp lớp dung nhau như thế, mà không bị chướng ngại, huống chi là cảnh giới Tỳ-lô là pháp giới vô chướng ngại ư?

Vậy phải suy xét cho chín chắn mà tin, suy nghĩ để thấu hiểu. Chớ nên cao suy cảnh Thánh, luống dối một đời không lợi ích.

Tu biểi Hạnh Phổ Hiền: Đã ngộ được pháp giới vô chướng ngại vốn tự tâm ta, trong đó vốn đầy đủ mười thế giới Hoa Tạng vi trần số tướng tốt, Đế võng, vô tận thân thông công đức. Cùng Chư Phật mười phương không khác nhau; ngại vì vô trí, vọng tình chấp chặt, tập dĩ tánh thành, cuối cùng khó cắt đứt. Để khiến cho thân thông công đức của chính mình không thể thọ dụng một cách tự tại. Cho nên phải xứng với pháp giới Tỳ-lô của chính mình, tu tập biểi Hạnh Phổ Hiền sẵn có, làm cho vô tận công dụng mau được hiện tiền.

**Kinh Hoa Nghiêm chép:** “Tu pháp này ít nhọc công lực, mau chứng Bồ-đề. Tuy biểi Hạnh Phổ Hiền rộng lớn bao la không bờ bến”. (Tất cả hạnh môn trong Tạng giáo đã nói đều là hạnh Phổ Hiền trong Hoa Nghiêm, chỉ ứng căn cơ thấp kém mà quyền chỉ, nên nêu ra đây một ít mà thôi)

Nay nói Pháp Quán Hạnh, lược có năm môn:

- 1) Quán các Pháp như mộng huyễn.
- 2) Quán chân như bất tướng.
- 3) Quán Sự, Lý vô ngại.
- 4) Quán Đế Võng vô tận.
- 5) Quán pháp giới vô chướng ngại.

Trước hết:

1) Quán các pháp như mộng huyễn: (Tức đương sự pháp giới quán) nghĩa là thường quán các pháp nhiệm, tất cả đều không thật, đều như mộng huyễn, kinh Hoa Nghiêm chép: “Cũng như trong chiêm



bao, thấy các hình tướng khác nhau; thế gian cũng như vậy, như mộng không khác”. Lại nói “Độ thoát tất cả chúng sinh phải biết các pháp đều như huyễn; chúng sinh không khác huyễn, hết huyễn không còn chúng sinh”. Và kinh Kim Cương có dạy: “Tất cả các pháp hữu vi như chiêm bao, bọt nổi, như sương mù, điện chớp, thường quán xét như vậy”. Ngài Tăng Triệu nói: “là hư, là vọng, ba cõi không thật; là mộng, là huyễn, sáu đường không có vật”. Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay, chấp tất cả pháp cho là có thật, khiến khởi hoặc tạo nghiệp, tuần hoàn trong sáu đường. Toàn thể không thật, đều như mộng huyễn, thì ái ố tự nhiên tiêu diệt, lòng bi, trí tự nhiên thêm sáng suốt. Quán mộng huyễn, trong Viên Giác Sở gọi là: “Khởi huyễn tiêu trần quán”. Trong Thiên Thai gọi là Giả quán, cũng còn gọi là: “Phương tiện tùy duyên chỉ”. Rõ ràng soi chiếu, gọi là Quán, vắng lặng không loạn động gọi là Chỉ. Tức là trong quán có chỉ, trong chỉ có quán mới là chỉ quán song vận, các phép chỉ quán khác nương theo đây mà nói. Hoặc có người tuy tin hiểu Viên giáo mà phiền não nặng nề, không thể tu tập quán mộng huyễn được, nên tu quán bất tịnh. Nghĩa là quán sát thân này có năm thứ không sạch.

a) Hạt giống không sinh: Nghĩa là tinh cha, huyết mẹ, hai chất trắng đỏ hoà hợp mà thành. Luận Trí Độ chép: “Thân là hạt giống không sạch, không phải các vật nhiệm mầu, quý báu, không do chất trong sạch sinh ra, mà sinh ra từ nơi dơ uest”.

b) Chỗ ở không sạch: Là ở trong bụng mẹ, dưới sinh tạng, trên thực tạng chảy ra chất không sạch, ô uest đầy dẫy, mà lại ở ngay trong đó. Lại như Hải Sơn nói: Đồ không sạch mà đem làm áo trang sức, còn thứ ô uest thì lấy làm vật ăn uống”.

c) Tự thể không sạch: Gồm có ba mươi sáu vật hoà hợp với nhau không sạch. Nói ba mươi sáu là, bên ngoài có mười hai phần: Tóc lông móng răng, mồ hôi, đại tiểu, ghèn, mũi, đàm, dãi, nước miếng. Lại có mười hai phần: Da, da ngoài, huyết, nhục, mỡ, đầu, óc, màng mỏng, xương, tuỷ, gân, mạch. Bên trong có mười hai: Tim, gan, mật, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, sinh tạng, tục tạng, đàm đỏ, đàm trắng, tức là từ đầu đến chân đều không sạch. Ngài Vĩnh Gia dạy: “Cái đây đây phân dơ là chỗ chứa tụ máu mủ; chảy ra những chất không sạch, là chỗ ở của vi trùng, giòi giun, quán cá ươn, hầm tiêu cũng không dơ bằng”.

d) Tự tướng không sạch: Là chín lỗ thường chảy ra các chất dơ nhớp. Chín lỗ: là hai lỗ tai xuất ra chất dơ; hai mắt chảy ghèn và nước; hai lỗ mũi chảy ra nước mũi, miệng chảy ra đàm dãi; đường đại tiện ra phân dơ; tiểu tiện chảy ra nước khai. Luận Trí Độ chép: “Các vật không



sạch chứa đầy trong thân, thường chảy ra các thứ không sạch như cái đầy rách đựng vật dơ”.

c) Cứu cánh không sạch: Nghĩa là khi thân chết đi, sinh to, hôi thối, máu mủ nứt rã, không ai dám đến gần. Ngài Thiên Thai nói rằng: “Từ chân đến đầu, từ đầu đến chân, tuần tự quán sát, chỉ thấy sinh lớn, nứt rã, trong đường đại, tiểu tiện giòi trùng theo máu mủ bò ra, thú hơn con chó chết”. Kinh Tâm Địa Quán dạy: “Nên quán sát tự thân mình hôi thúi, không trong sạch cũng như chó chết”. Kinh Kim Quang Minh chép: “Ta từ lâu hầu hạ thân hôi thúi này, máu mủ chảy ra không thể yêu mến được. tuy thường cung cấp nuôi dưỡng, nó vẫn ôm lòng oán hận. Cuối cùng bỏ ta, chẳng hề biết ơn. Quán sát tự thân mình xong, lại quán sát thân kẻ khác, hoặc nam hay nữ, đã có thân thì có đủ năm món bất tịnh”. Cho nên luận Khởi Tín chép: “Nên quán tất cả các thân có trong thế gian đều là bất tịnh”. Các món dơ uế không có một thứ gì đáng thương. Đã quán sát đều là bất tịnh, tâm tham ái tự nhiên không khởi. Kinh A-hàm nói rằng: “Xưa có một vị Quốc vương đắm mê sắc dục không nhàm chán, có vị Tỳ-kheo dùng một bài kệ can ngăn rằng:

*Mắt là một cái hang chứa ghen lệ.*

*Mũi là cái dây dơ chứa mũi, dãi.*

*Miệng là đồ đựng đàm dãi.*

*Bụng là kho chứa phần tiểu”.*

Chỉ có vua không có mắt tuệ, bị sắc dục làm mờ mịt, bần đạo thấy gồm, cho nên xuất gia tu đạo tràng”. Ngài Thiên Thai dạy rằng: “Tuy quán sát bất tịnh mà thành tựu đại sự. Như thầy chết trên mặt biển, nương nơi đó mà vào bờ.

Hoặc quán bộ xương trắng: Trước hết quán tưởng thân mình da thịt nát rã, chỉ thấy xương trắng lằn lằn từ hẹp đến rộng. Tưởng cái đầu da thịt rã rời, chỉ thấy xương trắng cho đến toàn thân đều là bộ xương trắng. Đã quán thân mình là bộ xương trắng rõ ràng hiển hiện, rồi lại quán người khác rã rời cũng như vậy. Lần lượt quán đến một cái phòng, một ngôi chùa, một thành lũy, một quốc gia. Cho đến khắp đất đai, lấy biển làm biên giới, sẽ thấy đầy những bộ xương trắng. Muốn cho quán tâm thêm lớn, lại quán lần lượt từ rộng đến hẹp. Quán một quốc gia là một bộ xương, lần lần sẽ thấy một thành, một chùa, một phòng, một bộ xương đầy đủ. Rồi quán bộ xương đó cho tới lúc chỉ thấy một chút xương trắng ở giữa hai đầu chân mày. Thấy giữa hai đầu chân mày rồi chuyên chú một chỗ vắng lặng mà an trụ, như vậy tu tập cho đến khi đắc định. Quán này thành tựu thì tất cả tham ái tự nhiên tiêu mất.

Hoặc quán Sở tức: Nên từ cạn đến sâu, lần lượt tiến tu, trước hết phải tự mình đều hoà hơi thở, không rít, không nghẹt. Nhất tâm chuyên chú đếm hơi thở ra vào. Trước hết đếm hơi hít vào, sau đếm hơi thở ra, từ một đến mười, xong rồi đếm lại như thế mãi, tâm tưởng đặt ở nơi đếm, đừng cho tán loạn. Nếu thấy, không cần cố sức mà đếm dễ dàng từ một đến mười trong hơi thở, lúc đó lại nhất tâm theo hơi thở ra vào. Khi hít vào, tâm cũng theo hơi mà vào, từ mũi đến cổ họng, từ cổ họng đến tim, đến rún, đến đờn điền, bắp đế, ống chân, cho đến bàn chân, ngón chân, khi hơi thở ra, tâm cũng theo hơi thở ra. Hơi thở ra xa ngoài thân cho đến một gang, một tầm. Nhất tâm theo dõi hơi thở ra vào; nếu thấy tâm và hơi thở nương nhau dễ dàng, bây giờ nên buộc niệm, đình chỉ ở giữa hai đầu chân mày, hoặc ở chót mũi, dừng tâm tại đó, quán hơi thở an trụ nơi thân, như sợi chỉ xoắn hạt châu, hoặc lạnh hoặc ấm, hoặc thêm hoặc bớt. Nếu thấy thân vắng lặng, vui sướng, an ổn, rồi lại quán sát hơi thở nhẹ nhàng, nhỏ nhiệm. Lại quán tâm thức sát-na không trụ, tu tập như vậy, cảm giác biết hơi thở ra vào khắp lỗ chân lông. Mắt tâm mở sáng, thấy sáng suốt trong thân ba mươi sáu vật và các giới bộ, lúc bấy giờ đã đắc định; rồi lại chăm tu các hạnh môn khác. Ở đây, vì sợ phiền phức nên tạm chấm dứt.

**Như trong kinh nói:** Quán hơi thở ra vào là bước đầu vào đạo của Chư Phật ba đời.

Hoặc quán ngã không: Nên phải để ý suy tìm, thân này xưa nay vốn không có ta (vô ngã).

Chỉ là sắc tâm, hai pháp hoà hợp mà thành. Sắc có bốn loại: đất nước, gió, lửa. Nghĩa là cấu sắc, lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, cốt, tuỷ, não, đều là đất; Mũi, đàm dãi, máu mủ, nước miếng, nước bọt, tinh khí, đại tiểu tiện đều là nước; Hơi nóng là lửa; Sự động chuyển “hô hấp” là gió. Tâm có bốn loại: thọ, tưởng, hành, thức. Thọ nghĩa là lãnh nạp; giữ lấy hình tượng, bóng dáng, đó là Tưởng; tạo tác là Hành, rõ biết, phân biệt là Thức.

Trong tám loại này, cái nào là Ta? Nếu đều là ta thì có tám cái ta. Hơn nữa, trong thân thể đã có ba trăm sáu mươi đoạn xương, mỗi đoạn đều riêng. Da, lông, gân, thịt, gan, tim, phổi, thận, mỗi thứ không giống nhau. Thấy không phải là nghe, vui không phải là giận, đã có nhiều vật như thế, không biết nhất định lấy cái nào để làm ta. Nếu đều là ta cả, thì có cả trăm ngàn cái ta. Trong một thân sinh nhiều phần đoạn. Xa lìa nó, sẽ không có pháp riêng, tìm tòi kỹ lưỡng cái ta, cũng không thấy đâu cả. Đã biết thân này là do các duyên giả hợp với nhau. Xưa nay không

có Ta. Hành giả ngày đêm thường tu pháp quán rất nhiệm mầu này. Vì tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay chấp thân này là ta; do đó mà quý trọng nó, tham cầu danh lợi, muốn đem vinh quang lợi ích cái Ta. Tức giận cảnh nghịch vì sợ nó xâm phạm đến ta. Tâm tình ngu si, đã so sánh một cách trái lý. Nay đã thường quán thân này: xưa nay không thật có Ta, tức ba độc tự dứt, ba độc dứt rồi, thì ba cõi tự xa lìa.

Hoặc Quán Pháp không: Phải quán xét hai pháp sắc tâm của thân này. Sắc có đất, nước, lửa, gió. Tâm có: Thọ, tưởng, hành, thức. Đối với tám pháp này, quán mỗi pháp đều do duyên sinh, không có tự tánh. Thể của tám pháp là không, Sơ tâm của hành giả nên tu quán môn này. Tuy theo tâm ta ưa thích hoặc một, hoặc hai cho đến năm pháp quán đều được tu tập. Tâm quán pháp môn chỉ quý ở sự tu luyện, luyện mới có giá trị, nói suông chẳng lợi ích chi.

2) Chân Như bất Tướng quán: (Tức đương lý pháp giới quán) trong an tâm lại có ba môn:

a) Thường quán toàn thể pháp giới, chỉ là một vị thanh tịnh chân như. Vốn không có sự tướng khác nhau. Trí năng quán này cũng là một vị chân như. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Tất cả các pháp Vô sinh, tất cả các pháp vô diệt. Nếu hiểu như vậy, các Phật thường hiện tiền”. Thất Tổ Thiên Sư lại nói rằng: “Niệm vô niệm, tức là niệm chân như”. Lục Tổ giải thích vô niệm rằng: “Không, là không có các tướng, niệm là niệm chân như”, đây mới tưởng niệm các pháp toàn là chân như. Nhưng tưởng niệm vốn là tướng của vô tướng niệm; cho nên Luận Khởi Tín chép: “Tuy niệm nhưng không có cái năng niệm để niệm”. (Sở tưởng chân như ở đây tức là chân tâm bất đãi trong Đốn giáo đã nói ở trước. Hạnh môn này thường tưởng tất cả các pháp, chỉ là một vị thanh tịnh chân như, vốn không sinh diệt. Đó gọi là tam muội chân như, cũng gọi là Tam-muội Nhất hạnh, hay là Tam-muội Vô sinh).

b) Nếu khi niệm khởi chỉ khởi tâm giác, cho nên Thất Tổ nói rằng: “Khi niệm khởi liền biết, biết thì liền không; tu hạnh diệu môn chỉ có ở đây; tức là tâm giác này, gọi là quán. Ở đây tuy cũng khởi tâm giác, nhưng vốn không có tướng khởi giác”. (Hạnh môn này, trong tất cả thời, nếu khởi tâm niệm, chỉ khởi tâm giác. Đây chính là tu hạnh yếu môn nhiệm mầu).

c) Xét tâm là sai, động niệm liền trái, chỉ để tâm mà không gửi gắm vào, lý huyền diệu này sẽ tự lãnh hội. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Pháp tánh vốn vắng lặng, không chấp cũng không kiến. Tánh không tức là Phật, chẳng thể suy lường được”. Người xưa nói rằng: “Thật

tướng xa lìa nói là suy nghĩ; chân như vượt lên thấy và nghe. Đây là chỗ an tâm; học sự khác sẽ uống công, v.v...” Ở đây y cứ theo bốn tánh tự chiếu, chứ không khởi sinh tuệ giải mới mẻ nào. Cho nên kinh Viên Giác chép: “Chỉ cần các Bồ-tát và chúng sinh mạng thế bất cứ lúc nào cũng không vọng niệm; đối với các vọng tâm cũng không dứt bỏ. An trụ trong cảnh vọng tưởng, không thêm rõ biết. Đối với không liễu tri, không phân biệt chân thật”. Ngài Hiền Thủ lại dạy rằng: “Nếu khởi tâm làm phàm, làm Thánh không phải là chân hạnh; không làm tất cả hạnh, hạnh tâm không nương gá vào đâu cả, đó gọi là Đại hạnh”. Môn này lấy bốn tánh tự chiếu, gọi là quán “Hạnh, môn này trong tất cả thời, tâm vô sở ký đó gọi là chân tu. Tuy tu đủ muôn hạnh, đối với muôn hạnh, tâm vô sở ký, v.v...” Thiền tông ở Trung Hoa bảy đời Tổ Sư, tâm yếu được truyền có ba môn; mà nhiếp hết tất cả, không để sót gì.

1) Môn Kiến Tánh: Trước phải liễu ngộ chân tâm dứt bật đối đãi. Tất cả vọng tưởng vốn không, Chân tâm vốn tịnh; tức tâm là Phật. Không nhờ ngoại cầu, tức là Đốn giáo Nhất tâm nói ở trên.

2) Môn An Tâm: Như ba môn tưởng niệm chân như đã nói ở trên.

3) Môn Phát Hạnh: phải tu sáu độ muôn hạnh của Bồ-tát, đủ ba môn tức là chánh thiền; thiếu đi một môn sẽ trở thành thiên kiến. Ngài Đạt-ma nói rằng: “Pháp của ta, dùng tâm truyền tâm, không lập văn tự. Tâm này là bốn giác thanh tịnh của tất cả chúng sinh, cũng gọi là Phật tánh. Muốn cầu Phật đạo thì phải ngộ tâm này, tức là Môn Kiến Tánh”. Lại nói rằng: “Do đó an tâm, gọi là quán vách, khiến cho đạo nhân tu tập, tâm an trụ chân lý. Vắng lặng vô vi, ví như tường vách, không khởi phân biệt tức là môn an tâm”. Lại nói rằng: “Như vậy phát hạnh, có bốn hạnh”.

a) Hạnh Báo Oán: Nghĩa là người tu hành lúc gặp sự khổ sở phải tự nghĩ rằng: Ta từ xưa, trải qua bao số kiếp, bỏ gốc theo ngọn, trôi nổi trong các đường, khởi lên nhiều oán ghét, gây ra nhiều điều sai lầm, nguy hại. Nay tuy không phạm, nhưng vì nghiệp ác, tức oán đã chín muồi, chẳng phải trời hay người đem lại, cam tâm chịu đựng mà không oán trách. Kinh dạy rằng: “Gặp khổ không buồn. Vì sao ? Vì đã hiểu thấu!”

b) Hạnh Tùy Duyên: Nghĩa là đạo nhân tu hành nếu được các việc quả báo cao quý vinh dự, phải tự nghĩ rằng: Tất cả pháp đều từ duyên sinh. Vì quá khứ ta tu nhân đã cảm với nay mới được. Duyên hết rồi, lại hoàn không; có gì phải vui mừng. Được mất tùy duyên, tâm không thêm

bớt, gió vui không động; gió giận không sinh.

c) Hạnh Vô Sở Cầu: Đòi người mê đại, chỗ nào cũng tham đắm gọi là tìm cầu. Người trí khi ngộ chân lý, thấy ba cõi, chín cõi cũng như nhà lửa. Có thân đều phải khổ, đâu được an vui, ở trong ba cõi, không còn chỗ mong vui. Kinh dạy rằng: “Có cầu đều khổ, không cầu mới vui”.

d) Hạnh Xứng Pháp: Nghĩa là tánh tịnh chân lý gọi là Pháp, mà tánh này vốn không bỗn sển, cùng tất cả muôn điều ác khác. Nên xứng với lý tánh mà tu bố thí, v.v... Tất cả muôn điều thiện, riêng bốn hạnh này tức là môn phát hạnh. Thiền sư Thảo Đường, trong Viên Giác kinh Sở cũng có ba môn, đều giống như vậy.

1) Trước hết phải ngộ tánh Viên giác: Nghĩa là nhất vị thanh tịnh chân tâm.

2) Phát tâm Bồ-đề: Nghĩa là đại bi, đại trí, đại nguyện.

3) Sau rồi tu hạnh Bồ-tát: Nghĩa là sáu độ muôn hạnh các pháp.

Ba môn này rất thiết yếu cho người học Thiền, nếu không viên tu ba môn, thì không do đâu để xa lìa các tà kiến. Từ xưa đến nay Ngũ Lục của các nhà Thiền tông, đa số chỉ ứng theo thời, theo căn cơ. Hoặc chỉ nói thấy tánh, hoặc chỉ nói an tâm, hay chỉ nói phát hạnh. Lại như trong chỗ an tâm, phát hạnh, lại mỗi thức có nhiều đường lối, hoặc chỉ rõ một đường lối, v.v... Nay các môn này, nếu tâm thông đạt; thì sau đó hậu xem đến Thiền giáo khác mới biết được quy chỉ.

3. Quán Sự Lý Vô Ngại: (Tức là đương sự vô ngại pháp giới quán). Nghĩa là thường quán tất cả các pháp nhiễm tịnh duyên sinh vô tánh, toàn là chân lý. Chân lý là tất cả các pháp nhiễm tịnh. Như quán sóng, toàn là tánh ướt, tánh ướt toàn là sóng. Cho nên Luận Khởi Tín chép: Tuy nghĩ các pháp tự tánh vô sinh, nhưng lại nghĩ đến nhân duyên hoà hợp. Các nghiệp, thiện ác, quả báo, khổ vui, không mất, không hoại (Lý bất ngại sự, như tánh ướt tuy có một, nhưng không chướng ngại cho việc sinh ra nhiều sóng). Tuy nhớ nghĩ nhân duyên thiện ác, nghiệp báo mà cũng liền nghĩ đến tánh của nó không có. (Sự bất ngại Lý, như sóng mồi tuy nhiều, nhưng không ngại toàn thể là tánh ướt).

Nếu tu tập: Ba pháp quán giả, không, Trung. Nghĩa là tưởng tất cả các pháp duyên sinh không có tự tánh, thể của nó là không, tức là không quán. Như quán các hình tượng trong gương, hoàn toàn không có thật thể. Nếu tưởng tất cả các pháp, tuy có mà không thật, đều như chiêm bao huyễn hoá, tức là Giả quán. Như quán những hình bóng trong gương, có mà không thật. Nếu tưởng tất cả các pháp, hoàn toàn là một

vi chân tâm diệu minh, như trước Chung giáo đã nói rõ. Chân tâm rộng lớn ấy, tức là Trung quán. Như quán gương sáng. Ba phép quán này, hoặc là riêng tu một môn, hay là tiệm thứ đều tu, hoặc là một thời đồng tu, tùy ý lấy hay bỏ như đồ dùng.

4) Quán Đế Vông Vô tận: (Tức là sự sự vô ngại quán). Trong đây lược bày có năm môn:

- 1) Môn lễ kính.
- 2) Môn cúng dường.
- 3) Môn sám hối.
- 4) Môn phát nguyện.
- 5) Môn trì tụng.

1) Môn lễ kính: Nghĩa là tưởng hư không khắp pháp giới: Trần trần sát sát trước đế vông vô tận Tam Bảo, có mỗi Đế vông vô tận tự thân mình. Mỗi thân mình đều lễ lạy Đế vông. Tam bảo vô tận. Trước mỗi ngôi Tam Bảo có Đế vông Tam Bảo tự thân lễ bái. Lại tưởng một môn này, tận đời vị lai, không thôi nghĩ, niệm niệm nối nhau, không xen hở, thân ngữ, ý nghiệp không có nhàm mỗi (Hoặc trong lúc ngồi quán tưởng; hoặc sớm chiều lễ Phật, khi tu tập nhiếp niệm. Nhập quán môn này công đức vô tận). (Ngài Thanh Lương nói rằng: không nhập pháp quán này, tự mình mệt nhọc uống công. Hoặc thuận nhập được môn này, thì tưởng khắp pháp giới toàn là Tỳ-lô Phật, hoặc Chuẩn-đề, v.v... trước mỗi tôn tượng, tưởng một thân mình lễ Phật, tu tập cho đến thuần thực, lần lần thêm lớn cho đến một trăm, một nghìn tôn vị Phật cho đến vô tận. Mấy pháp cũng y theo môn này mà tu tập).

2) Môn cúng dường: Tưởng tận hư không khắp pháp giới trần sát Đế vông trước vô tận Tam Bảo, có mỗi Đế vông có vô tận thân mình. Mỗi một thân sinh ra Đế vông vô tận đồ cúng dường đầy đủ, các sự cúng dường Đế vông vô tận Tam Bảo. Trước một ngôi Tam bảo, có Đế vông vô tận thân cúng dường. Lại tưởng một môn này khắp hết đời vị lai không ngơi nghĩ. Niệm niệm nối nhau, không xen hở. Thân, ngữ, ý, nghiệp không nhàm mỗi. (Hoặc trong khi ngồi tưởng cúng dường trước Phật, hoặc đốt hương dâng hoa, luyện tập nhập pháp quán này. Nếu không có hương hoa, chỉ chấp tay nhập quán môn này, công đức cũng phát sinh vô tận).

3) Môn Sám Hối: Tưởng tận hư không khắp pháp giới, trần trần sát Đế vông vô tận trước Tam Bảo, có Đế vông vô tận thân. Mỗi mỗi thân đều đem hết lòng chí thành sám hối Đế vông vô tận tội chướng. Nghĩa là từ hồi nào đến thân ngày nay, đã gây năm tội nghịch, mười

điều ác, các phiền não sở tri chướng. Mỗi thân, sám hối Đế võng vô tận tội chướng. Mỗi tội chướng, có Đế võng vô tận thân sám hối. Tưởng chung một môn này tất cả đời vị lai không bao giờ ngơi nghỉ. Mỗi niệm nối nhau không nhằm xen hở. Thân, ngữ, ý nghiệp nối nhau không nhằm mỗi (Hoặc trong khi ngồi tưởng sám hối, trước Phật sám hối, nên tu tập quán môn này).

4) Môn phát nguyện: Tưởng tận hư không khắp pháp giới, trần trần sát sát Đế võng vô tận, trước Tam Bảo có Đế võng vô tận thân. Mỗi thân phát Đế võng vô tận nguyện. Nghĩa là: Chúng sinh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thể nguyện dứt, Phật pháp vô biên thể nguyện học, vô biên phước trí thế nguyện tập, vô thượng bồ-đề thế nguyện thành. Đem tất cả tự tâm đã an vui với thế nguyện mà phát chung. Tưởng chung mỗi môn này tận đời vị lai tế không ngơi nghỉ. Mỗi niệm nối nhau không xen hở. Thân, ngữ ý nghiệp không nhằm mỗi. (Trong lúc ngồi niệm luyện trước Phật, thì phát nguyện tu tập pháp quán tưởng này).

5) Môn trì tụng: Tưởng tận hư không khắp pháp giới, trần trần sát sát Đế võng vô tận trước Tam Bảo, có các Đế võng vô tận thân. Mỗi thân trì các Đế võng vô tận chân ngôn giáo pháp danh hiệu Chư Phật, Bồ-tát. Mỗi chân ngôn giáo pháp, danh hiệu Chư Phật, Bồ-tát có Đế võng vô tận thân trì tụng. Tưởng chung một môn này, tận đời vị lai không ngơi nghỉ. Mỗi niệm nối nhau không xen hở. Thân ngữ, ý nghiệp không nhằm mỗi (Hoặc khi trì tụng kinh v.v... trước quán tưởng pháp môn này rồi, sau đó trì tụng rất nhiệm mầu. Năm pháp môn đã thực hành rồi, còn các hạnh khác, y theo đây mà tu tập).

Nếu tu tập Tương tức quán, có bốn câu:

1) Một tức là một: Nghĩa là quán một sợi lông có một cái tai. Một cái tai, đồng thời là một sợi lông.

2) Tất cả tức là một.

3) Một là tất cả: Hai câu này nên hợp lại mà quán. Nghĩa là khi quán tất cả trần, tức là một Đức Phật. Một Đức Phật đồng thời tức là tất cả trần.

4) Tất cả tức là tất cả: Nghĩa là khi quán tất cả người, tức là tất cả Phật, tất cả Phật đồng thời tức là tất cả người, trong mỗi câu tất cả các pháp lệ theo đây mà quán.

Nếu tu tập Tương nhập quán cũng có bốn câu:

1) Một nhiếp một, đem nhập một: Nghĩa là quán một người, nhiếp một Đức Phật, đem nhập vào một vị Bồ-tát. Như cái gương phía Đông



niếp cái gương phía Nam, đem nhập vào cái gương phía Tây.

2) Một nhiếp tất cả, đem nhập một: Nghĩa là quán một cái hoa nhiếp tất cả sông, đem nhập vào một hòn núi.

3) Tất cả nhiếp một, đem nhập tất cả: Nghĩa là quán tất cả trần nhiếp một Đức Phật, đem nhập vào một sợi lông.

4) Tất cả nhiếp tất cả, đem nhập vào tất cả: Nghĩa là quán tất cả cây nhiếp tất cả thân, đem nhập vào trong tất cả biển. Trong mỗi câu, tất cả các pháp lệ theo đây mà quán tưởng. Hai phép quán: Tương tức, tương nhập này, tùy theo mỗi câu mà quán tưởng, lại có quán chung, quán riêng, nhiều pháp môn. Sợ rườm rà nên không trình bày hết, chỉ chuyên tâm tu luyện, tự nhiên hiểu thấu.

Cho nên ngài Bùi Công ở trong bài tựa Pháp Giới quán có nói rằng: “Chỉ khiến cho người học không rõ cảnh trong tự tâm, tâm tuệ đã sáng tỏ rồi, tự thấy nghĩa vô tận. Đừng đem giáo nghĩa Viên Thông chia chẻ vụn vặt từng đoạn. Nếu đồng thời tu tập đầy đủ tương ứng quán, nghĩa là hễ quán bất cứ một pháp nào, đồng thời đầy đủ các pháp trong pháp giới. Các huyền môn kia lệ theo đây mà hiểu. Nếu muốn tu tập Viên tông ba chỉ quán, chính như thân một người rõ ba đế: Nhân thân giả tướng mà có, đó gọi là Tục đế. Nhân thân duyên sinh vô tánh, sắc thể của nó hoàn toàn không gọi là Chân đế. Nhân thân giả tướng không có tự tánh riêng, thể của nó hoàn toàn tịch chiếu chân lý, gọi là Trung đạo đế. Nhưng ba đế này thể dụng vô ngại, không hữu dụng nhau. Ngay nơi một là ba, tức ba là một. Pháp vốn như thị, y như ba đế này hành giả quán sát thành Ba quán ba chỉ. Nghĩa là tâm hành giả quán thân người là giả tướng, lìa được chấp thật có gọi là: Phương tiện tùy duyên chỉ. Lại quán thân người sắc thể hoàn toàn không, gọi là không quán. Tức quán tâm nghi này rõ được sắc không, lìa được các chấp sắc thể thật có, gọi là: Thể chân chỉ. Lại quán thân người này hoàn toàn là Trung đạo thật tánh, gọi là Trung đạo quán. Tức là quán tâm này xa lìa được chấp có tướng, và lìa được chấp thể không, gọi là: Viễn ly nhị biên phân biệt chỉ.

Quán tâm như vậy, trong một niệm thấy cả ba đế, nghĩa là lập ba quán, xa lìa được ba món chấp, nghĩa là lập ba chỉ. Ba quán ba chỉ là nhất tâm. Tức một thường là sáu, tức sáu thường là một. Đem nhất tâm này kế đồng sở quán ba đế, cảnh vô ngại của thể và dụng, của không và hữu. Tâm cảnh thường dung, lại thường rõ ràng. Đã quán một thân người mà thành ba quán ba chỉ: quán tất cả đều như vậy. Hỏi rằng: Nói về đại hạnh tóm lại chỉ là vô niệm; vì sao lấy Đế vọng tương tức

quán, v.v... khiến cho người khởi lên tưởng niệm vô tận, há không mệt mỗi thân tâm ư ? xin trả lời: Nếu thấy đây là một ly niệm để ngoài cầu vô niệm, là còn chưa được chân vô niệm. Chân vô niệm là niệm vốn không, làm thế nào để được cái niệm và vô niệm không chướng ngại nhau? Nếu được toàn thể viên hạnh trong vô tận hạnh? Lời hỏi này là ý phát xuất ra trong Hoa Nghiêm Kinh Đại Sở. Nếu không tu tập các quán Để vãng tướng tức, thì không thể chứng trọn được Phật quả vô ngại. Nay có người tiểu căn nghe pháp môn này liền thêm phiền loạn, hoàn toàn không thêm để ý. Người xưa nói rằng: Con ếch ngồi đáy giếng không thể biết biển lớn, núi Thái không thể đựng trong đầy được.

#### 5) Quán Vô Chướng Ngại Pháp Giới.

(Tức tướng tức pháp giới sở y tổng pháp giới quán). Nghĩa là thường quán sát tất cả các pháp nhiệm tịnh. Thể của nó hoàn toàn vô chướng ngại pháp giới tâm. Trí năng quán này cũng tướng toàn là pháp giới tâm. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Biết tất cả các pháp, là tâm tự tánh. Thành tựu tuệ thân, không do tha ngộ”. Lại Ngài Thanh Lương nói rằng: “Nếu biết súc vật đều là tâm, mới rõ được tâm tánh. Nay trong pháp giới vô chướng ngại này, vốn đủ ba thế gian, bốn pháp giới. Tất cả các pháp nhiệm tịnh, không có một pháp giới nào ra ngoài pháp này, mà pháp giới này đầy đủ cái này, cái kia, xen nhau vô chướng ngại. Thời biết căn căn, trần trần hoàn toàn là pháp giới vô chướng ngại. Nếu trong bốn oai nghi, thường quán căn căn, trần trần đều là pháp giới lớp lớp vô tận, thì tu được cảnh giới Phổ Nhãn. Quán này là căn bản của tất cả phép quán Tam-muội. Nếu thường tu tập tất cả Tam-muội thì quán môn tự nhiên hiện tiền”. Như đã nói nhiều quán môn, hoặc ưa thích tổng tu, hoặc tu một, hai phép, tùy tâm đều được, chỉ chuyên cần tu luyện, một đời chưa được, ba đời chắc chắn hoàn thành. Lại nữa, hành giả phải khởi lên tư tưởng, tưởng được hiện tiền, thường hiện không ẩn mới là Hoa Nghiêm Viên giáo chân Hạnh; Thanh Lương Sở Chú: Sự sự vô ngại trong mười huyền môn gồm có sáu câu. Năm câu trước là khởi tưởng tu luyện, luyện được hiện tiền rồi, lại không tưởng luyện, tuy không tưởng luyện mà thường hiện không ẩn, mới thành đệ lục hành cứu, pháp Giới Quán chép: “Suy tư thật sâu xa, khiến nó hiện ra trước mắt, tròn sáng hiển hiện, xứng hạnh cảnh giới”. Thiền sư Khê Sơn giải thích rằng: “Suy tư khiến nó hiện ra chân giải. Đã hiện ra liền dừng suy tưởng. Tuy không suy tưởng mà cũng thường hiện ra, không giấu kín mới là thật hạnh”.

Thiền Sư Nhất Hạnh nói rằng: “Trước phải khởi tưởng, tưởng

được hiện tiền, sau đó dùng Bát-nhã không mà trừ sạch nó. Tức thành đại dụng không nghĩ bàn; liền đốn nhập quả Phật. Nếu trong khởi tâm quán đó, lầm lẫn hội ý Bát-nhã, dẫn cho có nhập không cũng mất đạo lý viên đốn, đối với Viên tông hành giả tu luyện tha thiết thì tự nhiên lời nói biến mất, dứt bật suy nghĩ, phân minh rõ ràng mới là hạnh chân hạnh. Nếu được như vậy trong bốn oai nghi thường thấy những cảnh giới không thể nghĩ bàn. Người muốn tu đạo, nên lưu tâm việc này, xưa nay như vậy, chỉ vì mê muội không thấy đó thôi”.

Người tu tâm hoặc có cảnh mộng thiện ác, hoặc gặp các thứ ma chướng hiện ra các cảnh giới khác: Trái thuận, hay nghe các thứ tiếng thiện ác, hoặc các loài trùng kiến bò chạy trên thân, hoặc thân tâm không an, thường lo lắng. Hoặc khi nhập quán tưởng có các thứ tướng hiện, không đồng với bốn quán tương ứng, v.v... Điều cần phải quán đó như chiêm bao, mộng huyễn, tất cả đều không có thật. Hoặc quán tất cả là tự chân tâm của mình. Luận Khởi Tín dạy rằng: “Nên chớ nghĩ duy tâm, cảnh giới liền diệt, không thể làm hại mình được”.

Từ trên đến đây đã nói xong phần Hiển Giáo Tâm Yếu.

## II. KẾ ĐẾN NÓI MẬT GIÁO TÂM YẾU:

Gồm có các bộ như: Thần Biến Số Sao, Mạn-trà-la Số Sao, đều do Đà-ra-ni giáo là Mật Viên. Hiển giáo Viên tông về phần trước, nói sự tu hành cốt yếu trước phải ngộ pháp giới Tỳ-lô. Sau đó y ngộ, tu biến Hạnh Phổ Hiền, lia được sinh tử, chứng được mười thân Phật quả vô ngại. Như người bệnh được thuốc tốt, cần phải biết phân lượng, phép tắc bào chế, trộn chung mà uống, mới được lành bệnh, thân an.

Nay thần chú Mật Viên, tất cả chúng sinh cho đến nhân vị Bồ-tát, tuy không hiểu được, chỉ tụng cũng được Pháp giới Tỳ-lô, biến Hạnh Phổ Hiền. Được lia sinh tử, thành tựu mười thân Phật quả vô ngại, như người bệnh gặp được món thuốc hay, tuy không biết phân lượng phép tắc hoà hợp; chỉ cần uống thuốc thì tự nhiên trừ bệnh thân an. Cho nên kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: “Mật chú của Chư Phật là phép bí mật, chỉ có Phật và Phật tự biết mà thôi; các vị Thánh không thể không đạt. Chỉ tụng trì là diệt được lỗi lớn, mau lên Thánh vị”. Lại nói rằng: “Thần chú là Mật ấn của Chư Phật; Phật, Phật truyền nhau, người khác không thể thấu hiểu”. Bát-nhã sơ của Hiền Thủ chép: “Chú là pháp bí mật của Chư Phật, người không thể hiểu được”. Chỉ tụng trì không cần phải gượng giải thích. Còn Niết Bàn sơ của Tuệ Viễn chép: “Chân ngôn chưa chắc là chuyên ngữ của người Thiên-trúc. Phiên dịch lại không hiểu, vì vậy

nên không phiên dịch giải thích!”. Trong Thiên Thai Chỉ Quán chép: “Bậc Thượng Thánh mới nói được cả hai pháp Hiển Mật, người phàm chỉ truyền bá Hiển giáo, không thể truyền bá Mật giáo. Các Sư từ xưa đều nói: “Đà-Ra-Ni, nhân vị Thánh Hiền, không thể hiểu giải, chỉ nên kính tin mà thọ trì, diệt được tội chướng, thành tựu phước đức”.

Hỏi: Vì sao Mật chú của Chư Phật không thể giải thích cho người khác hiểu?

Đáp: Thần chú là Viên mãn, không phải phiền diện, giải thích sẽ làm cho chú mất; bởi vậy nên không giải thích cho người khác rõ được. Mật nghĩa nằm trong đó, cần phải suy nghĩ. Trong Pháp Hoa Sao chép: “Về bí pháp của Chư Phật, không hiểu nghĩa ấy được, cho nên nói là Mật ngôn”. Kinh Bát-nhã chép: “Tổng trì như thuốc thần, cũng như cam lồ của trời trị lành các bệnh sai lầm, uống vào thì thường an vui”.

Lại trong kinh Lý Thú, đức Như Lai có nói năm tạng:

Kinh tạng: Như sữa bò.

Luật tạng: Như váng sữa.

Luận tạng: Như sữa sống.

Bát-nhã tạng: Như sữa chín.

Đà-Ra-Ni tạng: Như đề hồ.

(Đề hồ là vị đã lọc, nó ngon nhất trong các món ăn từ sữa, trị được các bệnh, khiến các hữu tình thân tâm an vui. Ở Tây Thiên-trúc thường dùng đề hồ để trị các bệnh).

Đà-Ra-Ni trong các kinh, luật là tối thắng bậc nhất, trừ được các tội giúp cho các chúng sinh giải thoát sinh tử, mau chứng Niết-bàn, pháp thân an vui. Lý Thú Kinh Sở chép: (Tánh Đức Lực Đại, mật chú công cường, giải hạnh tuy kém, giải thoát thì mau). Các Đại Sư như: Hiền Thủ, v.v... chỉ cho kinh Hoa Nghiêm là Viên, các giáo đều không phải. Nay lại cho Đà-Ra-Ni là Viên giáo, vậy không trái với Hiền Thủ và các Đại Sư khác hay sao?

Đáp: Viên tông có hai:

1) Hiển Viên.

2) Mật Viên.

Hiền Thủ chỉ y cứ Hiển giáo xếp Hoa Nghiêm vào Viên. Nay có Thần Biến Sở Sao, Mạn-trà-la Sở Sao, cho rằng giống như các thứ Hiển Viên, Mật giáo cũng là Viên tông. Hiển Mật đã khác mà các sự không trái. Y theo Mật viên tu luyện cũng chia làm hai:

1) Nghi quỹ trì tụng.

2) Nghiệm thành hành tướng

Trước hết nói về Nghi Quỹ Trì Tụng:

Chân ngôn hành giả, mỗi ngày muốn y pháp trì tụng, trước phải ngồi Kim Cương chính toạ: (gác chân bên phải lên chân bên trái, hoặc tùy ý ngồi sao cũng được). Tay kiết ấn Đại Tam-muội (ngửa hai tay ra, tay phải để lên tay trái, hai đầu ngón cái giáp lại nhau để ngang dưới rún, ấn này diệt trừ tất cả cuồng loạn vọng niệm, tư duy tạp nhiễm). Thân tâm lắng tịnh, nhập định Tam-muội pháp giới. Tưởng: tự thân trên đỉnh đầu ta có một chữ Phạm Lam.

Chữ này biến ra ánh sáng rực rỡ, như hạt ngọc sáng, như trăng rằm tròn sáng. Tưởng chữ này xong, lại dùng tay trái kiến ấn: Kim Cương Quyền ấn: (để ngón tay trong lòng bàn tay bắm vào đốt vô danh, chỉ giáp lòng bàn tay, rồi nắm chặt như cầm cú, ấn này trừ chướng nhiễm trong ngoài, thành tựu tất cả công đức). Tay mặt cầm chuỗi ghi số, miệng tụng: Tịnh pháp giới chân ngôn: Hai mươi mốt, hoặc một trăm lẻ tám biến chân ngôn: Âm lam; hoặc chỉ trì Lam hay Lãm, chữ Phạm là:

Ân: (?) Lam: (?)

Chữ Lam tịnh pháp này, hoặc tưởng, hoặc tụng, thường khiến cho ba nghiệp đều được thanh tịnh; tất cả tội chướng đều được tiêu trừ. Lại thành tựu tất cả việc cao quý; ở chỗ nào cũng được thanh tịnh. Y phục bất tịnh khiến thành tịnh y. Thân không tắm gội vẫn được sạch sẽ; nếu dùng nước làm cho sạch, không gọi là chân tịnh. Nếu dùng chữ Lam tịnh pháp giới này để tịnh, thì gọi là bình rớt ráo thanh tịnh. Như một hạt linh đơn điểm vào sắt thành vàng ròng. Một chữ chân ngôn biến nhiễm thành tịnh kệ rằng:

Chữ ra màu trắng tươi, chấm không để trang nghiêm. Chữ Phạm Ra: I, điểm vào chỗ không trên, tức thành chữ Lam tự I.

Như hạt ngọc quý trên nhục kế, đặt ở đỉnh đầu; Chân ngôn đồng pháp giới; vô lượng các tội trừ. Tất cả chỗ xúc ược, nên gia trì chữ này. Nếu thật duyên ngoài không đầy đủ, không có nước để tắm gội, thiếu y mới sạch, thì chỉ dùng chữ Lam để làm sạch. Nếu người có duyên ngoài đầy đủ, thì trước dùng nước xong, mặc y mới thanh tịnh, lại dùng chữ Lam tịnh nữa, tức là trong ngoài đều thanh tịnh. (Như các Chân ngôn Nghi quỹ nói).

Rồi tiếp tục tụng chú: Hộ thân chân ngôn hai mươi mốt hay một trăm lẻ tám biến. Chân ngôn, chữ Phạm Âm Xỉ Lãm; Nếu tụng chú này, diệt được năm tội nghịch, mười điều ác, tất cả tội nghiệp, có công năng dứt trừ tất cả bệnh, tai chướng, ác mộng tà mị, quỷ thần và các việc không tốt. Thành tựu các việc cao quý, khiến tất cả mọi sự mong cầu

đều được viên mãn. Chú này là tâm của Chư Phật, nếu người duyên tâm tụng một biến thì che chở được đồng bạn. Tụng ba biến thường che chở được mọi người trong thành. Cho đến bảy biến thì che chở được người trong bốn thiên hạ.

(Rộng như kinh Văn-thù Căn Bản Nhất Tự Chú nói).

Kế đến tụng một trăm lễ tám biến Lục Tự Đại Minh chân ngôn: Án Ma Ni Bát Di Hồng. Án Ma NI Bát Minh Hồng hay Án Ma Ni Bát Nạp Minh Hồng, tiếng Phạm là:

Án (?) Ma (?) Ni (?)

Bát (?) Di (?) Hồng (?)

Nếu tụng chú này ngay chỗ ở có vô lượng Chư Phật, Bồ-tát, tám bộ trời rồng nhóm hội, đầy đủ vô lượng pháp môn Tam-muội. Ai tụng trì, thì bảy đời dòng họ đều được giải thoát, các oán lãi trong bụng, sẽ được Bồ-tát vị. Người đó hằng ngày được đầy đủ công đức của sáu pháp Ba-la-mật. Được biện tài trí tuệ thanh tịnh vô tận. Hơi ra trong miệng chạm đến người nào, người đó nhờ sự tiếp xúc mà xa lìa các sân độc, sẽ được Bồ-tát vị. Nếu như: Người trong bốn thiên hạ, đều được địa vị Bồ-tát Thất Địa. Các Bồ-tát đó có bao nhiêu công đức, sánh với công đức tụng một biến chú Lục tự, cả hai đều bình đẳng không khác nhau. Chú này là sự vi diệu của bốn tâm của Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu có người chép lại sáu chữ Đại Minh này, sánh với sự viết, chép tám muôn bốn ngàn pháp tạng, cũng bằng công đức đó, không khác. Nếu dùng vàng báu tạo tượng Như Lai, số như bụi cát, không bằng công đức viết một trong sáu chữ này. Nếu người nào đã được sáu chữ Đại Minh này, thì họ không còn bị đấm nhiễm tham, sân, si. Nếu đeo thần chú này trong mình cũng hết nhiễm tham, sân, si. Người trì tụng mang sáu chữ này, tất cả loài hữu tình được chân tay người đó chạm đến, mắt người đó ngó đến, đều mau đắc Bồ-tát vị, không còn chịu các khổ sinh tử nữa. Khi nói xong Lục Tự Đại Minh này, có bảy mươi Thất-Cu-Chi Phật đồng thời xuất hiện và đồng thanh nói: “Chú Chuẩn-Đề”. Cho nên biết Lục Tự Đại Minh và chân ngôn Chuẩn-Đề nương lẫn nhau (Rộng như kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương nói). Sau đó kiết ấn Chuẩn-đề ở tim.

Chân ngôn Chuẩn-đề và nhất tự luân chú, một thời đồng tụng một trăm lễ tám biến xong rồi, xả ấn lên trên đỉnh đầu. (Hoặc không muốn tụng Đại Luân Chú, chỉ trì chân ngôn Chuẩn-đề cũng được).

Cách bắt ấn Chuẩn-đề:

Dùng ngón áp út và ngón tay út bên mặt và bên trái xỏ lộn với nhau cùng trong lòng bàn tay, dựng hai ngón tay giữa thẳng lên, rồi co



hai ngón tay trở mà vịn vào lông đầu của hai ngón tay giữa; còn ngón tay cái thì đề lên lông giữa ngón tay áp út bên mặt, để ngang ngực, đốc lòng tụng chú Chuẩn-đề và Đại Luân Nhất Tự, nếu muốn triệu thỉnh, đưa qua đưa lại hai đầu ngón tay trở. Khi kiết ấn, tụng chú, muốn đếm số cho nhớ, ở nơi tay chia lông chỉ trên mà đếm. Hoặc trên tay của tượng Bồ-tát Chuẩn-đề, hoặc quán tâm ghi số, hoặc mười niệm ghi số. Hoặc kiết ấn tụng được một nghìn tám chục biến thì rất tốt (1.080), hay hơn một trăm lẻ tám biến. Hoặc chỉ tay bên trái kiết ấn Kim cương quyền, tay bên phải cầm chuỗi trì số cũng được, nếu sợ lộn, chỉ cần tán trì cũng có kết quả.

Chân ngôn Thất-Cu-Chi Phật Mẫu Đại Chuẩn-đề Đà-Ra-Ni như sau: Nam-mô tát đa nãm, tam miệu tam Bồ-đề cu chi nãm, đát thiết tha. Ấn chiết lệ chủ Lệ Chuẩn-đề Ta Bà Ha, Bộ Lâm.

Phạn tự: Nam (?) Mô (?) Tát (?)

Đa: (?) Nãm (?) Tam (?) Miệu (?)

Tam: (?) Bồ (?) Đề (?) Cu (?)

Chi: (?) Nãm (?) Đát (?) Thiết (?)

Tha: (?) Án (?) Chiết (?) Lệ (?)

Chủ: (?) Lệ (?) Chuẩn (?) Đề (?)

Ta bà: (?) Ha (?) Bộ Lâm (?)

**Phật dạy:** Thần chú này có công năng diệt trừ mười điều ác, năm tội nghịch tất cả tội chướng, thành tựu tất cả trăm pháp công đức. Trì chú này dù ở tại gia hay xuất gia, bất luận kẻ tịnh người uế; chỉ đốc lòng trì tụng khiến cho chúng sinh đời sống ngắn ngủi, sẽ tăng thọ vô lượng, Ca-Ma-La-tật là bệnh nan y còn trị lành, hướng chi các bệnh khác; nếu không tiêu diệt thì không có việc ấy. Nếu có ai tụng đủ bốn mươi chín ngày thì Bồ-tát Chuẩn-đề sẽ khiến hai vị Thánh thường theo người đó, kẻ nào có tâm niệm thiện ác, mỗi việc đều báo hiệu hai bên tai người đó đầy đủ. Nếu có người vô phước vô tướng cầu làm quan không toại ý, nghèo cùng khốn khổ, bức ngặt; thường tụng chú này sẽ khiến hiện đời được phước báo như Luân Vương, cầu xin quan vị quyết được xứng toại. (Trong Thiên Tông, Truyền Đăng Lục có dẫn tích người xưa) “Cu-Chi chỉ niệm Tam Hành Chú, mà được nổi tiếng hơn người”. Nếu cầu trí tuệ được đại trí tuệ; cầu con trai con gái lại được con trai con gái, hễ có mong cầu chi, đều được xứng lòng toại ý, giống như ngọc Như ý; tất cả tùy tâm mình muốn. Hơn nữa, tụng chú này thường khiến cho các vua chúa, đại thần và bốn chúng đều sinh tâm kính yêu, thấy đều vui mừng. Người tụng chú này, xuống nước không chết chìm, nạn lửa không thể



đốt, thuốc độc, kẻ thù, quân trận, cường tặc và ác thú, các loài quỷ mi đều không thể hại. Nếu muốn thỉnh Phạm vương, Đế-thích, Tứ Thiên Vương, Diêm-la, Thiên Tử, v.v... Chỉ tụng chú này thỉnh quyết đến, không dám trước sau chậm trễ. Hoặc có sai khiến gì được như ý muốn. Thần chú này có thể lực lớn đối với Châu Thiện Bộ ở phía Nam. Dời núi Tu-di; khô nước biển lớn; chú vào cây khô sẽ phát sinh hoa quả. Hướng chi là người năng y pháp trì tụng, sẽ chuyển được nhục thân, được đại thần túc, sinh về cõi trời Đâu-suất. Nếu cầu sống lâu và các thuốc tiên, chỉ y pháp tụng chú, sẽ được thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Kim Cương Thủ trao cho thuốc hay thần tiên, lấy đó mà ăn, sẽ thành tiên đạo. Được sống lâu bằng với mặt trời, mặt trăng, chứng Bồ-tát vị. Nếu y theo pháp tụng mãn một trăm vạn biến liền được đến Tịnh Độ mười phương, hầu hạ các vị Phật, nghe khắp pháp mầu, chứng được quả Bồ-đề.

Nếu muốn thành tựa Đàn pháp: ở đây không đồng với các chân ngôn khác, cần phải rộng tu cúng dường, chỗ kiến lập đạo tràng phải cuộc đất hương nê: (Bột hương trộn đất nhão để thoa đắp đạo tràng). Ở đây chỉ dùng một cái kính tròn mới chưa dùng (làm kính đàn) để trước tượng Phật, tối ngày Rằm; mặt hướng về phương Đông, ngồi trước kính đàn tùy khả năng trang nghiêm; các món cúng dường đầy đủ. Xông hương an tức, nước tịnh thủy, sau đó kiết ấn để ngang ngực. Chú vào kính đàn một trăm lễ tám biến Chuẩn-đề, xong lấy bao vải bỏ Kính đàn vào, đi đâu cũng đem theo để tùy thân. Mỗi khi muốn tụng niệm, chỉ lấy Kính đàn ra để trước mặt, kiết ấn tụng chú. Nếu không thể tụng niệm hằng ngày, chỉ cần vào mười ngày trai, đối kính trì tụng cũng được.

Ngoài mười ngày trai, không trì tụng trước Kính đàn cũng được (Trong Mật tạng, Kính đàn này là yếu diệu, nhiếp chung tất cả các Đàn pháp. Nếu không có kính đàn, chỉ tưởng một kính đàn trước mặt mà trì tụng. Kinh Tịnh Chư Ác Thú và nhiều kinh khác, cũng phần nhiều có nói. Tưởng thành đàn pháp, trì tụng là hơn hết, hoặc không tưởng được Đàn pháp chỉ nên chuyên tâm trì chú. Vào mười ngày trai: Một, Tám, mười bốn, mười lăm, mười tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám, hai mươi chín và ba mươi). Chú Chuẩn-đề này các Đức Phật và Bồ-tát đều đồng nói. Độc Bộ Biệt Hành, nhiếp chung hai mươi lăm bộ Chân Ngôn Đàn Pháp. Chuẩn-đề bốn Phạm văn nói có mười bài kệ. Bồ-tát Long Thọ nói bài kệ khen ngợi rằng:

*“Chuẩn-đề Công đức nhóm”*

*Tâm vắng lặng thường tụng*

*Tất cả các nạn lớn  
Không thể xâm hại người  
Trên trời và cõi người  
Thọ phước ngang bằng Phật  
Gặp châu Như ý này  
Đắc định chứng Bồ-đề.*

(Rộng như trong kinh Chuẩn-đề và Trì Minh Tạng Long Thọ Nghi, chép: Chuẩn-đề cũng có chỗ gọi Chuẩn-Nê hay Tôn-Na, v.v... Chỉ là âm Phạm bất đồng mà thôi).

Chú Đại Luân Nhất Tự: Tức là Bộ Lâm, cũng gọi là Nhất Tự Tâm Chú trong đời mật pháp. Đối với thời mật pháp, khi chánh pháp sắp diệt, chú này có thế lực lớn. Có công năng cứu giúp thế gian, làm lợi ích lớn, hộ trì pháp tạng của Như Lai, hàng phục tất cả tám bộ chúng, bẻ gãy tất cả các ác chú trong thế gian. Đây là đánh của các Đức Phật, là tâm của Bồ-tát Văn-thù, ban thí vô úy cho tất cả chúng sinh và ban sự vui sướng cho họ. Hễ có tu trì thì sẽ tùy ý đắc quả, giống như ngọc Như Ý có công năng làm mãn nguyện tất cả. Nếu tụng chú này, nhìn thẳng bốn phương, các quỷ thần ác cách xa năm trăm trạm đều chạy tán lạc. Các sao xấu và các Thiên ma không dám đến gần. Nếu trì tụng các chân ngôn khác sợ không thành tựu. Nên dùng chú này chung với chân ngôn khác đồng thời trì tụng, nhất định sẽ kết quả. Nếu không thành tựu và hiệu nghiệm thì đầu của các vị thần hộ chú kia sẽ bị vỡ ra làm bảy phần. Cho nên chú này thường giúp sức cho các chân ngôn mau có kết quả. Hoặc trì riêng chú này cũng được. (Rộng như kinh Văn-thù Nghi; kinh Mật Pháp Trung Nhất Tự Tâm chú nói).

Từ trước đến giờ lần lượt trì tụng đến chú Chuẩn-đề, nếu không kiết được ấn Chuẩn-đề, thì lấy tay trái kiết ấn Kim Cương quyền, tay mặt cầm chuỗi mà trì tụng. Hoặc không theo sau, trước tụng chân ngôn tịnh pháp giới lần lượt thọ trì, chỉ trì thần chú Chuẩn-đề, hoặc căn độn không thể thọ trì đầy đủ chú ấy; chỉ từ chữ Án trở xuống mà trì, nên chữ án là lời quy kính. Từ chữ Án, v.v... là chánh thần chú. Mỗi khi trì tụng rồi, liền dùng tay mặt kiết ấn Kim Cương; miệng tụng Hồng Hồng Chân ngôn liên tiếp mà ấn vào năm chỗ:

- 1) Ấn vào trán.
- 2) Ấn vào vai trái.
- 3) Ấn vào vai phải.
- 4) Ấn ở ngực.
- 5) Ấn vào cổ họng.

Ấn xong, xả ấn trên đỉnh đầu.

Trừ được tất cả ma chướng, thành tựu tất cả việc tốt. Hoặc trước khi trì tụng, kiết ấn trước năm chỗ rồi trì tụng. Lại nữa, tùy theo chỗ ở, muốn bài trừ Thần Quỷ, kiết Kim Cương giới, chỉ tụng chân ngôn Chuẩn-đề, gia trì chú vào nước thơm hai mươi một biến, rồi rải vào tám phương trên, dưới liền thành tịnh trừ kiết giới. Lại khi chánh trì tụng, y cứ theo kinh Cu-Chi Đà-Ra-Ni, kinh Kim Cương Đảnh, kinh Ngũ Tự Đà-Ra-Ni kinh, v.v... Trong các bản kinh đó có nói, theo căn cơ ưa muốn, cũng có nhiều thứ.

1) Du-già Trì: Chỉ tướng có chữ hiện trong tâm nguyệt luân. Nghĩa là tướng tự tâm mình như một mặt trăng tròn vắng lặng, thanh tịnh, trong ngoài rõ ràng, lấy Phạm như chữ Ấn:

(?), Ấn trong tâm nguyệt luân; lấy Chiếu

Lệ Chủ Lệ Chuẩn

Đề Ta Bà Ha

Tự theo trước xoay về phía phải, lần lượt hiện khắp theo một vòng trong (đọc cao giọng xong rồi trở lại từ đầu).

2) Xuất Nhập Tức Trì: Nghĩa là trong hơi thở ra vào, tướng có chân ngôn chữ Phạm. Hơi thở ra theo chữ ra, hơi hít vào theo chữ vào. Từng chữ sáng rõ như râu chuỗi ngọc sáng không được xen hở (Hoặc khi thở hơi ra tướng tượng trong tự tâm như mặt trăng tròn sáng. Chín chữ Phạm, xoay vẫn đều có ánh sáng năm màu. Từ trong miệng mình lưu nhập vào miệng Bồ-tát Chuẩn-đề, xoay quanh bên phải, an bố trong tâm nguyệt luân của Bồ-tát Chuẩn-đề. Nếu khi hít vào tướng chữ trong tâm nguyệt luân của Bồ-tát Chuẩn-đề. Từng chữ nối kết tròn liền nhau, chữ cũng xoay vẫn đều có ánh sáng năm màu, từ miệng của Bồ-tát Chuẩn-đề tuôn ra, lưu nhập vào miệng mình, xoay vẫn bên mặt, an bố trong tâm nguyệt luân. Xong rồi trở lại từ đầu, rất là nhiệm mầu).

3) Kim Cương Trì: Môi, răng không động, lưỡi không đến nóc vòm, chỉ động đập nhẹ trong miệng.

4) Vi Thịnh Trì: Chỉ khiến cho tai mình tự nghe, không chậm, không mau, từng chữ mà xưng niệm rõ ràng

5) Cao Thịnh Trì: Khiến kẻ khác nghe được diệt tội, lại có hai cách trì tụng:

1) Vô số trì tụng: Nghĩa là không trì chuỗi định số, thường trì luôn không xen hở.

2) Hữu số trì tụng: Nghĩa là lần chuỗi trì tụng mỗi ngày phải hạn định bao nhiêu, không được thiếu sót.

(Nếu lần chuỗi trì tụng, thì công đức đạt được, như các kinh rộng khen ngợi. Như kinh Sổ Châu Công Đức chép: Nếu có người tay cầm chuỗi, tuy không niệm Phật và Đà-ra-ni, người ấy cũng được phước vô lượng. Và trong kinh Kim Cương Niệm Châu có bài kệ rằng: “Nếu để trên đỉnh đầu thì diệt tội Vô gián, đeo trên cổ diệt được bốn trọng nghiệp, trì nắm trên tay sẽ trừ các tội, giúp cho hành giả mau thanh tịnh”. Lại Nhất Tự Đánh Luân Nghi có nói: “Nếu dùng chân ngôn chữ Lam gia trì sổ châu bảy biến, khi hành trì một biến thành nghìn biến, nếu lần chuỗi đến hết mẫu châu, phải trở lại không được vượt qua mẫu châu). Mỗi ngày y pháp trì tụng, phải phân định thời hạn. Nếu một thời, thì buổi sớm mai. Hai thời thì thêm buổi hoàng hôn. Nếu trì ba thời thì thêm buổi chánh ngọ. (Nếu công việc bận rộn, không cần phải chia thời, lúc nào trì cũng được).

Nếu hạng thượng căn trì tụng, thì phải Ba mật tương ứng.

1) Thân mật: Kiết ấn.

2) Ngữ mật: Tụng chú.

3) Ý mật: Hoặc tưởng chân ngôn chữ Phạm, hoặc duyên nghe theo tiếng trì tụng.

Hoặc tưởng tượng Bồ-tát Chuẩn-đề, hoặc tưởng trong tay Bồ-tát cầm các vật như chày, bình, hoa, quả, v.v... Cho nên Thần Biến Kinh sơ chép: nếu dùng Ba mật làm môn tu hành, thì không cần tu trải qua nhiều kiếp số tu đủ các hạnh, chỉ ở đời này đầy đủ các Ba-la-mật rồi. Lại nữa, khi đang trì tụng chưa đủ một trăm lẻ tám biến, không được nói chuyện với ai. Còn nếu muốn nói chuyện thì phải tưởng trên lưỡi mình có chữ Lam phạm: dù cho nói chuyện cũng không bị xen hở.

Hỏi: Chỉ trì tụng Nhất đạo chân ngôn sẽ thành tựu hay phải rộng trì nhiều bốn chân ngôn mới được thành tựu công đức?

Đáp: Có hai môn:

1) Tùy căn cơ ưa muốn: Căn cơ có nhiều sự ưa muốn khác nhau. Hoặc ưa trì ba, năm, mười đạo cho đến một trăm đạo, v.v... Trong đó tùy căn cơ ưa muốn khác nhau, đều được trì tụng.

2) Muốn mau chóng thành tựu: Muốn cầu tất cả công đức mau được thành tựu, nên chuyên trì tụng Nhất đạo chân ngôn cho thành thì tất cả chân ngôn công đức đều thành tựu.

Cho nên kinh Văn-thù Nghi Quỹ chép: Nếu muốn tất cả công đức thành tựu, không được dùng chân ngôn mà khởi tư tưởng như trên, tuy có số đạo chân ngôn, nhưng đó là thứ lớp trì tụng với chân ngôn Chuẩn-đề.

Hỏi: Đã chuyên tụng một thần chú mau được thành tựu, vì sao lại

bày vẽ chân ngôn Chuẩn-đề cho người trì tụng?

Đáp:1- Vì chân ngôn Chuẩn-đề bao gồm tất cả các chân ngôn, và chứa đựng tất cả các Thần chú. Các chú không bao gồm được Chuẩn-đề như biển lớn chứa được nước trăm sông, chứ trăm sông không thể chứa hết được biển lớn. (Chuẩn-đề bao gồm các chú, sau đây sẽ rõ).

2- Vì Chuẩn-đề Đản pháp người dễ làm thành tựu. Chỉ lấy một cái kính mới chưa từng dùng, ấy là Đản pháp, không đồng như các chú, phải kiến lập Đản pháp, cần phải lựa chọn nơi thanh tịnh, hương nê bôi trên đất, rộng tạo các tượng Phật, các món cúng dường đầy đủ mới thành tựu. (Người có tài vật, tạo nhiều các tượng Phật, các món cúng dường đầy đủ, ở trước tượng Phật, an trí kính đản, đối trước trì tụng lại càng nhiệm mầu).

Vì Chuẩn-đề không cần lựa tính cách nhiễm tịnh để trì tụng, bất luận tại gia, xuất gia đã lỡ uống rượu, ăn thịt, có vợ con, v.v... đều trì tụng được, không giống như các Thần chú khác cần yếu phải trì giới mới tụng tập được. (Nay vì những kẻ thế tục đeo mang vợ con, uống rượu, ăn thịt, ấy là thường nghiệp của họ. Tuy gặp vị tăng dạy bảo, nhưng tập tánh khó mà sửa đổi. Nếu không dùng Đại chú pháp bất tư nghi này cứu thoát, thì những kẻ như vậy biết ngày nào ra khỏi sinh tử. Còn những ai, trai giới thanh tịnh y pháp trì tụng, thì đó là thù thắng nhiệm mầu hơn hết. Trong kinh Chuẩn-đề nói hướng chi là trai giới đầy đủ, y theo pháp đầy đủ để trì tụng, không chuyển, không thân, vãng đến Tứ thiên, sẽ được đại Thần tức ấy).

Sở dĩ thế nên dạy nhiều về chân ngôn Chuẩn-đề, khiến người trì tụng. Nếu muốn trì các chân ngôn khác, tùy tâm đều được, đừng định chấp một bên nào. (Tuy nhiên tụng hai chú, trước hết phải khởi tâm viên tín: Ngũ bộ Thần chú, đều là pháp môn thành Phật. Nếu thiếu tin một bộ, thì trở thành huỷ báng Phật pháp). Lại nữa hành giả chân ngôn, mỗi ngày đối trước kính đản, như ban đầu trì tụng; hoặc chỉ y như trước tiên, tưởng trên đầu mình có chữ phạm Lam, tròn sáng như hạt ngọc quý, sau đó mới trì khoá. Lại theo kinh Đại Thừa Quán Tưởng Mạn-Noa-La, kinh Trì Minh Tạng Thành Tựu Nghi Quỹ, kinh Tôn Thắng Phật Đảnh Tu Du-già pháp và nhiều kinh khác đến mấy mươi bộ, trong đó nói: Hoặc tưởng trên đỉnh đầu mình có chữ Lam biến thành vầng lửa hình tam giác; đốt hết thân hình từ đỉnh tới chân; khắp pháp giới chỉ thấy thanh tịnh, dù có năm tội vô gián mà dùng chữ này đốt thân, cũng đều trừ diệt hết. Tiếp đó, nên tưởng chữ Phạm A: sinh thành tự thân. (Chữ A tức là thể; tức là vô tướng pháp giới, từ vô tướng đó sinh thành

thân hành giả). Lại tưởng chữ Âm; mang kết trong thập tự đảnh môn (Nghĩa chữ Âm; tức là thể, nước ánh sáng của Chư Phật mười phương để rưới lên đỉnh đầu Phật tử. Đây là bí mật quán đảnh pháp môn, sau đó trì tụng. Hoặc tưởng tự tâm như mặt trăng tròn sáng, thanh tịnh, mặt trăng ấy có một chữ Phạm Âm.

(Trong nhân vị của Đức Như Lai, nhiều năm tu hành không đắc đạo Bồ-đề, sau tu tập pháp quán này, đầu hôm liền thành chánh giác. Chữ Âm chứa đựng đủ vô lượng pháp môn. Là mẹ của tất cả chân ngôn. Tất cả các đức Như Lai, đều nhờ quán tưởng chữ này mà được thành Phật). Hoặc trong tâm Nguyệt luân tưởng một chữ A: (Chữ A này là thân Phật Tỳ-lô, cũng là pháp giới, cũng là tâm Bồ-đề, nếu người tưởng niệm thì phát sinh được vô lượng công đức). Hoặc tưởng trong tâm Nguyệt luân một chữ Hồng: (Chữ Hồng nhiếp chung Kim cương bộ, tất cả chân ngôn, là chủ thân Kim cương bộ, cũng là ba môn giải thoát. Nếu thường tưởng niệm, thì diệt trừ tất cả tội chướng, thành tựu các công đức). Hoặc trên lưỡi tưởng chữ Lam: hay chữ Hồng, tưởng rồi sẽ tụng trì. Hoặc tưởng trên cổ mình hiện ra hoa sen lớn, trên hoa xuất hiện chữ A, lại tưởng chữ A biến thành mặt trăng tròn. Tưởng mặt trăng đó biến thành chữ Hồng: chữ Hồng biến ra năm chày Kim cương, lại tưởng cái chày này dờ lên trên lưỡi, gọi là lưỡi Kim cương, sau đó trì tụng. (Kế đó, hai tay cũng tưởng chữ A; chữ A biến thành nguyệt luân, nguyệt luân biến thành chữ Hồng, Chữ Hồng biến thành mầu trắng năm chày Kim cương mới gọi là tay Kim cương, sau đó kiết tất cả ấn). Hoặc tưởng ra chín chữ Thánh Phạm Chuẩn-đề, mỗi chữ có các thứ ánh sáng An trong tự thân phần: nghĩa là tưởng chữ, Âm: an trên đỉnh đầu; chữ Chiết, an nơi hai mắt, chữ Lệ: an ở cổ, chữ Chủ: an nơi tâm, Chữ Lệ: an ở hai vai, chữ Chuẩn: an ở rún; chữ Đề: an ở hai bắp vế; chữ Ta-bà: an ở hai cổ chân và chữ Ha: an ở hai bàn chân. Tưởng An bố khắp nơi rồi, sau đó trì tụng (Kinh Trì Minh Tạng Nghi Quỹ chép: Nếu người nào muốn thành tựu pháp Bồ-tát Chuẩn-đề, thì trước quán tự luân căn bản vi diệu của Bồ-tát Chuẩn-đề, trên thân mình mỗi chữ ở vào một chỗ rõ rệt, thân đời trước người đó có tất cả tội nghiệp, thì cũng được trừ diệt. Hễ có mong cầu gì quyết định thành tựu, phép An bố chín chữ, trong kinh tạng có nhiều chỗ nói).

Quán tưởng chữ Phạm đã có công đức rộng như trong các kinh Đà-Ra-Ni nói: “Trên đây về quán môn chữ Phạm, trong bốn oai nghi thường tư duy đến, rất đối nhiệm mầu”. Trong các kinh, tưởng chữ chân ngôn đều là thứ Phạm, chứ không phải chữ Hán. Cho nên Nhất Tự Đảnh Luân Vương Nghi Quỹ chép: “Cái gọi là quán các chữ, chính là

chữ Phạm, không phải chữ ở các địa phương mà có năng lực đại thần dụng”. Hoặc có người không thể tưởng được chữ Phạm. Chỉ nên chuyên tâm trì tụng, cũng đủ tất cả Tam-muội. Cho nên, Đại Bi Tâm Kinh nói rằng: “Đà-Ra-Ni là Thiên định tạng; trăm nghìn Tam-muội thường hiện tiền”.

Nếu người tha thiết trì tụng, hoặc gặp các thứ ma chướng, hoặc bỗng nhiên sợ hãi, hoặc lười khó trì tụng, hoặc thân không an, hoặc ngủ nhiều, giận nhiều, hoặc thấy các tướng lạ, hoặc nghi ngờ các thần chú không muốn trì tụng, v.v... Muốn đối trị các điều đó, thì nên quán tưởng chữ Phạm: Ra, hoặc quán chữ Lam: hay quán chữ A: v.v... Chỉ tùy theo đó quán tưởng một chữ, cảnh giới kia tự nhiên tiêu diệt. Nếu tâm sinh ra nhiều phân biệt, nên quán chữ Phạm Sái: tức thánh vô phân biệt. Nếu có tâm mê đắm nhiều, nên quán tưởng chữ Hàm, tức pháp nhân duyên vốn không. (Trên đây là nói theo một mặt, nếu nói thật thì chỉ bất cứ một chữ nào đều có công dụng của nó, nghĩa là một chữ thật đủ tất cả chữ, là công dụng của tất cả Chư Phật, Bồ-tát).

Hỏi: Vì sao chữ Phạm đều có thần dụng không thể nghĩ bàn như vậy?

Đáp: Nghĩa là mỗi chữ tức thể là thân tâm của Chư Phật, Bồ-tát, tức thể là pháp giới là tướng. Lại tức thể là giáo, lý, hạnh và quả, cho nên có thần dụng không thể nghĩ bàn. Chữ Phạm: ở phương Tây vốn có sẵn trong pháp nhĩ. Khi thế giới mới thành, Phạm vương truyền nói, đồng như chữ ở xứ này, do Thượng Hiệt chế ra).

Hỏi: Nếu vậy, chữ Phạm ở phương Tây, đều có Thần dụng không thể nghĩ bàn, vì sao chỉ nói chữ trong chân ngôn?

Đáp: Nghĩa là chữ trong chân ngôn là pháp nhĩ của Chư Phật, được năng lực không thể nghĩ bàn che chở. Pháp tánh như vậy, có thần dụng riêng. Như ngôn ngữ ở đây chỉ là một, chỉ những câu như “cấp cấp như luật lệnh”, v.v... Chú hoả không thiêu được, chú thuỷ không làm chìm, cho nên ngữ chú có công dụng riêng, chẳng phải tất cả ngôn ngữ khác đều có công dụng như vậy. Chữ ở phương Tây cũng thế, v.v... chữ tuy là một mà là chữ trong chân ngôn, mới có thần dụng riêng. Chẳng phải tất cả chữ đều có thần dụng như vậy.

Hỏi: Ở trên nói đối đàn, kiết ấn, tụng chú, v.v... đâu không phải hữu tướng ư?

Đáp: Pháp giới vô chướng ngại của Viên tông về mặt thể, vốn có vô tận pháp môn. Pháp môn vô tướng của Thiên tông chỉ là một trong vô tận môn. Nay Mật tông, Đàn pháp, thủ ấn, chân ngôn, tức thể lại là



pháp giới vô chương ngại. (Như Hoa Nghiêm kinh Sớ Sao, trong Thập huyền môn, nương sự hiển pháp môn, nói thế giới Kim sắc, tức là bốn tánh, là trí Bát-nhã vô phân biệt, v.v... Nay có người nói rằng: Trì chú, kiết ấn, đối đàn là trệ ngại tướng, đây chỉ nói theo Thiên tông tức là ly tướng bên ngoài, cầu vô tướng. Tổ sư chỉ vì ngoại đạo mà kiến giải, chứ không phải ý Phật giáo. Lại trong kinh Lăng-nghiêm Sớ chép: Trì tụng Thần chú trừ được các điều ác, nhóm tập các điều thiện. Kẻ ngu muội không biết ý chỉ này; thấy người trì chú thường sinh tâm huỷ báng, cho đó không phải là kẻ tu hành. Chưa có một Đức Phật nào, không do thần chú mà được thành đạo để độ chúng sinh, xin xét kỹ lại để sửa đổi lỗi này.

Hỏi: Trên kia dẫn chứng các Đại sư, các Ngài đều nói rằng: “Chú là pháp bí mật của Chư Phật, người bình thường không thể hiểu được, vì trên kia lại giải chữ A, là thân Phật Tỳ-lô, chữ Hồng là Ba môn giải thoát, v.v...”

Đáp: Cứ theo Bát-nhã kinh sớ của Hiền Thủ, và Thần Biến sớ, các Mật Tạng Đà-Ra-Ni kinh Ý, thì có hai môn:

1) Bát-nhã Thuyết Môn: Chú là mật pháp của Chư Phật, Chư Phật truyền nhau, người khác chẳng thông hiểu, chỉ nên trì tụng không cần gượng giải thích.

2) Cưỡng Thuyết Môn: Như trong chân ngôn, hễ nêu bất cứ một chữ nào, hoặc tác nhân, hoặc tác pháp, bao trùm cả không gian và thời gian, tự tại giải thoát. Tóm lại, Vô tận pháp môn ở trong một chữ đều giải thích hết, mới là chữ nghĩa của Đà-Ra-Ni. Dem lời nói này, dù cho các Đức Phật mười phương trải qua Hằng sa kiếp, cùng nhau nói nghĩa một chữ trong chân ngôn cũng không thể hết được, người khác nói còn khó, huống chi là kham thọ. Cho nên đem một phần trong một chữ, hoặc tác nhân, hoặc tác pháp, mà giải thích, như trước chữ A, là thân Phật Tỳ-lô, chữ Hồng là ba môn giải thoát, v.v... Tức là gượng nói nghĩa của một phần thôi. Còn các chỗ khác có giải thích chân ngôn, tự nghĩa, cú nghĩa, đều là gượng thuyết giải thích một phần nhỏ nghĩa. (Nếu trong một chữ chân ngôn, hoặc chia ra ba nghĩa, mười nghĩa hay một trăm nghĩa, v.v... để giải thích, gọi là nghĩa một mặt). Trên nói: Chỉ có Phật mới biết, chứ không giải thích chung cho người khác. Đó là nói theo môn bất khả thuyết của Mật giáo bốn tôn. (Môn bất khả thuyết này tức là nói về quả ly ngôn của Hiển giáo viên tôn, cưỡng thuyết môn đây tức là nói đến nhân của Hiển giáo Viên tông).

Hỏi rằng: Hoặc có chúng sinh, muốn dứt trừ các thứ tai chướng,

hoặc muốn thêm lớn phước tuệ, hoặc muốn cầu quả Thánh, v.v... là chỉ y Nghi Quỹ như trước trì tụng hay có phương pháp nào khác chăng?

Đáp rằng: Chỉ y theo Nghi Quỹ ở trước trì tụng, hễ có mong cầu gì thì nhất định thành tựu. Hoặc có muốn tùy việc mong cầu, mỗi pháp làm khác nhau. Nay lược bày pháp thức sau đây. Theo trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Tu Hành Nghi Quỹ, kinh Thất Cu-chi Đại Minh Đà-Ra-Ni, Thần Biến Sở và các chân Ngôn Nghi Quỹ, v.v... thì có năm thứ Đàn pháp là:

- 1) Pháp Tức Tai.
- 2) Pháp Tăng Ích.
- 3) Pháp Kinh Ái.
- 4) Pháp Hàng Phục.
- 5) Pháp Xuất Thế Gian.

1) *Pháp Tức Tai*: (Vì để dứt trừ nghiệp ác, tội trọng phiền não chướng, v.v... Các món tai nạn, quan sự, khẩu thiệt, quỷ mị dựa nhập, sao xấu ép ngặt, v.v...), hành giả hướng về phương Bắc, tréo chân ngồi thẳng; tượng Chuẩn-đề xoay về hướng Nam, đối trước tượng Ngài mà an trí kính đàn (cái kiếng tròn), (Lại tượng một Đàn tròn màu trắng, trong cái đàn ấy tượng khắp chữ Phạ: hoặc chữ Vãm Tôn tượng cúng dường đầy đủ, và tự thân hành giả điều tượng ở trong đàn tròn; hoặc trước tượng chỉ vẽ một đàn tròn cũng được. Quán tượng Bồ-tát Chuẩn-đề màu trắng, hiển cũng hoa quả, ẩm thực và y phục trên thân đều là màu trắng, đồ hương dùng bạch đàn, thiêu hương dùng trầm thủy, thấp đèn dầu Tô du; vì tượng ứng từ tâm. Lúc đầu hôm ngày mồng một mỗi tháng bắt đầu khởi việc, đến ngày mồng tám là mãn, mỗi ngày ba thời tắm gội, ba thời thay áo, đến ngày mãn hoặc đoạn thực (không ăn), hoặc ăn ba thứ bạch thực, nghĩa là sữa, gạo hay cháo. Người không đủ sức cúng dường tôn tượng đầy đủ y phục chỉ vận tâm tượng cũng được, sau này cứ y theo đây, mà biết). Nếu khi tụng niệm, lần lượt trì tụng như trước, đến Chuẩn Đề chú tụng một trăm lễ tám biến, rồi sau chỉ từ chữ: Án mà tụng. Diệu chân ngôn: Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề, che chở cho người pháp danh... và trừ tai nạn Ta Bà Ha. Nếu tự cầu cho mình, trên chữ Ta Bà Ha xưng pháp danh mình và việc cầu xin. Nếu vì người khác, cũng xưng rõ tên, họ, sự, việc, v.v...

2) *Pháp Tăng Ích*: Vì cầu thêm sự vinh quang, kéo dài tuổi thọ, cầu phước đức thông minh, quyền thuộc thế lực, tiền tài phong thanh, lúa nếp thành thực, cầu phục tàng bảo chân, thuốc tiên, năm thân thông, v.v... Hành giả hướng về phương Đông ngồi kiết già, tượng hướng về

phương Tây; trước tượng Chuẩn-đề an trí kính đàn, (Lại tưởng một hình đàn vuông, màu vàng, trong đàn ấy có khắc chữ A, hoặc tưởng chữ Ám. Tôn tượng cúng dường đầy đủ. Tự thân hành giả đều tưởng ở trong cái đàn vuông, hoặc ở trước tượng vẽ một hình đàn vuông cũng được). Quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề màu vàng, hiến cúng hoa quả ầm thực, và y phục tự thân, v.v... đều có màu vàng. Đồ hương dụng, bạch đàn gia chút uất kim thiêu bạch đàn hương, thắp đèn ma du (dầu mè), dùng tâm vui mừng được tương ứng. Theo tháng ngày mồng chín, khi mặt trời mới mọc, khởi đầu hành trì cho đến ngày rằm là mãn. Mỗi ngày như trước, ba thời tắm gội thay áo. Đến ngày rằm cứ như trước đoạn thực và ba thứ bạch thực; niệm tụng như trước.

Diệu Chân Ngôn: Án Chiết Lệ Chuẩn Lệ Chuẩn-đề, che chở cho người pháp danh... sở cầu như ý. Ta Bà Ha (Xưng tên và sự việc như bài trước đã nói).

3) *Pháp Kính Ái*: (Vì cầu tất cả Thánh Hiền che chở, tám bộ trời rồng vui mừng, cầu biện tài nói pháp, tiếng nói hoà nhã, người nghe vui mừng, và cầu tất cả mọi người ái kính, bạn hữu trí thức gần gũi, kẻ thù hoà thuận, v.v...). Hành giả xoay mặt về phương Tây, ngồi theo cách Thiền tọa, tượng xoay mặt về hướng Đông, trước tượng Chuẩn-đề an trí kính đàn. (Lại tưởng một đàn hình bán nguyệt màu đỏ, trong đàn hình bán nguyệt ấy, tưởng khắp chữ: Hạ hoặc chữ Hàm, tôn tượng cúng dường đầy đủ, và tự thân hành giả điều tưởng trong đàn hình bán nguyệt ấy. Hoặc trước tượng chỉ vẽ một đàn hình bán nguyệt cũng được). Quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề màu đỏ, thân mặc áo sa lụa, hiến cúng hoa quả, ầm thực và tự thân y phục, tẩy đều màu đỏ. Đồ hương dụng uất-kim, thiêu hương dùng đỉnh hương. Hương Tô hạp hoà với mật để thiêu đốt. Thắp đèn dầu trái cây, đem thân tâm hỷ nộ tương ứng. Từ ngày mười sáu, gần sáng là khởi đầu; đến ngày hai mươi ba là mãn, mỗi ngày tắm gội, đoạn thực niệm tụng, thực hành như pháp trước.

Diệu Chân Ngôn: Án Chiết Lệ Chuẩn Lệ Chuẩn Đề khiến tất cả mọi người yêu kính... pháp danh... Ta Bà Ha. (Xưng tên họ, tùy theo việc mong cầu, như trước đã trình bày).

4) *Pháp Hàng Phục*: Để hàng phục tất cả ác độc, quỷ thần và rồng dữ tổn hại tất cả hữu tình, và đều phục tất cả người ác, không trung với đất nước, sinh tâm phản đạo, diệt Tam Bảo, huỷ chân ngôn, hoặc gây chướng ngại. Đối với tất cả người ác như vậy, người trì chú vận tâm đại từ bi, thực hành phép này.

(Nếu vì ích kỷ mà cầu, hoặc có tâm oán cừu mà cầu, mà thực

hành phép này, theo các kinh đã nói, quyết định phải vờ lấy tai hoạ, suốt đời si mê, học giả nên biết!)

Hành giả xoay mặt về phương Nam, dùng phép ngồi tôn cư (Ngồi chồm hõm, bàn chân trái áp qua bàn chân phải. Mặt tượng hướng về phương Bắc. Ở trước tượng Chuẩn-đề, an trí kinh đàn. (Lại tưởng một cái Đàn tam giác màu xanh ở trong Đàn tam giác, tưởng khắp chữ Ra: hay chữ Lam, tôn tượng cúng dường đầy đủ, và tự thân hành giả, điều tưởng ở trong đàn tam giác, hoặc ở trước tượng chỉ vẽ một cái Đàn tam giác cũng được). Chuẩn-đề màu xanh, hay màu đen, mặc áo đen xanh tự thân y phục cũng đều màu xanh. Hiến cúng hoa màu xanh, hoa thối, hoa không thơm và hoa Mạn-đà-la, v.v... ầm thực dùng thạch lựu làm nước nhuộm thành màu đen, hay màu xanh, hương xoa dùng cây bá. Át già dùng phân trâu. Lấy hoa màu đen và giới tử Bá mộc làm hương xoa v.v... Mỗi thứ lấy một ít để vào nước Át-già; đốt hương an tức. Thắp đèn dầu hạt cải, dùng tâm phần nộ tương ứng. Từ ngày hai mươi bốn, vào lúc giờ ngọ hoặc nửa đêm bắt đầu hành pháp, cho đến ngày cuối tháng thì mãn, mỗi ngày tắm gội, đoan thực, niệm tụng pháp, thực hành như trước.

Diệu Chân Ngôn: Hồng, Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn-đề, Hồng Phấn Tra (Phấn Tra viết chữ Phạn).

(Nếu các người tâm ác không an, hoặc sắp chết, phải khuyên gấp người ấy phát thiện lành. Nếu người ấy biết hối lỗi, tự trách dứt hẳn tâm ác, thì nên vì họ làm phép Tức Tai, niệm tụng, người kia liền khỏi tai nạn. Trên đây là bốn pháp thành tựu. Nếu muốn được thành công trong bốn pháp này; thì phải dự tu trì chân ngôn Chuẩn-đề trước là năm mươi vạn, bảy mươi vạn, hay một trăm vạn biến. Đã thực hành rồi mới làm bốn pháp, thành tựu được, tùy sự ưa muốn, dù làm một pháp cũng sẽ thành. Thấy ở thời nay, hoặc Thích, hoặc Nho vì lợi, vì danh, mãi năm suốt ngày xu hướng tham lam, dụng hết thân tâm cũng chưa vừa bụng. Khi vô thường đến lại sinh vào chốn thấp hèn. Sao chép: vâng Thánh ngôn của Chư Phật, tụng Thần chú bí mật, trên đối với Pháp Tăng Ích lần lượt thực hành, việc sở cầu quyết định toại tâm, tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt, vô thường có đến thì được sinh về nơi tốt đẹp. Hiện tại, vị lai, đều được lợi lạc, há chẳng phải là điều tốt hay sao? Có được lợi lớn ấy, cho nên Phật mới dạy).

5) *Xuất Thế Gian Đàn Pháp*: Vì muốn mau đủ hai món tư lương: Phước đức và trí tuệ. Đốn viên mười món Ba-la-mật, siêu việt ba vô số kiếp, khắc kỳ trong đời này quả Thánh hiện tiền. Hành giả ở tại núi

non, hang cốc sâu thẳm vắng lặng, già-lam thanh tịnh. Đem hết tâm Đại Bi, thường ưa làm lợi lạc cho vô biên hữu tình, đồng với Bồ-tát Chuẩn-đề Vương. Nương nhờ nguyện lực Đại Bi giúp đỡ của các Phật, Bồ-tát. Hạn định bốn tháng bốn ngày trong một kỳ, dứt bất không tiếp khách, dứt bất nói năng. Tam Mật tương ứng tâm không xen hở; kể hành giả mặt hướng về phương Đông. (Các phương khác cũng được, nhưng hướng Đông là tốt hơn hết, hoặc ngồi toàn già, bán già, hay tùy ý ngồi đều được). Mặt tượng hướng về Tây, ở trước tượng Chuẩn-đề an trí kính đàn.

(Trên đánh hành giả tượng chữ Lam: biến thành vòng lửa đỏ, đốt hết tự thân hữu lậu. Lại tượng trên một hoa sen lớn có chữ A: sinh thành trí thân vô lậu, lại tượng chữ Âm: quán đánh rồi. Lại tượng chữ Lam biến thành lửa lớn đốt cháy thế giới hữu vi này đồng như kiếp hoả, cháy sạch không còn gì, chỉ có vắng lặng. Lại tượng tượng lập nên Đàn vô vi. Phía dưới phương dưới khắp tượng chữ khiếm: nhiều mầu để làm không luân. Ở trên không luân tượng chữ Hàm, mầu đen, biến thành phong luân. Trên Phong luân tượng chữ Lam mầu đỏ, biến thành Hoả luân. Trên Hoả luân tượng khắp chữ Vạm mầu trắng biến thành Thuỷ luân. Trên Thuỷ luân (nước) tượng khắp chữ A mầu vàng, biến ra đất kim cương. Trên đất kim cương tượng khắp có hoa sen lớn. Trên mỗi hoa sen đều có Bồ-tát Chuẩn-đề, vô lượng Thánh Chúng vi nhiều (xoay quanh) trước mỗi đức Chuẩn-đề, đều có tự thân của hành giả (chính mình mỗi thân có hiện ra hoa quả, ẩm thực, cờ phướn, v.v... đầy đủ các món cúng dường, đều đối trước kính đàn Chuẩn-đề. Ba mật tương ứng. Nếu hành giả không có tượng Chuẩn-đề và hoa quả ẩm thực cúng dường đầy đủ, chỉ dùng quán tưởng này, cũng được thành tựu tốt đẹp) Nhất tâm quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề, đầy đủ vô tận tướng tốt sáng chói, trong tâm nguyệt luân của Bồ-tát, tượng có Cửu Thánh Phạm tự Đàn (chín chữ chú Chuẩn-đề). Hành giả tượng trong tâm nguyệt luân của mình cũng có chín chữ Phạm đàn, còn ở tại thân mình, tượng khắp chín chữ Thánh Phạm (Tâm Nguyệt luân và tự thân phần tượng đủ các chữ, như trước đã nói). Các thứ hiến cúng hoa quả, ẩm thực, hương đèn, đuốc nến, v.v... Trong ba pháp: dứt tai ương, tăng ích, kính ái đã nói rõ sắc vật đều dùng được. Y phục của hành giả phải mới, sạch mới được vào Đàn pháp (tu). Tóm lại thì loại áo vàng là tốt nhất. Hành giả không cần phải lao hình, khổ nhọc sợ tâm thần tán loạn; đối với bốn oai nghi. Đi, đứng, nằm, ngồi đều được Ba mật tu tập, 1) Thân kiết ấn, 2) Miệng đọc chú, 3) Tâm duyên chữ Phạm). Chỗ thấy nghe, hay biết chỉ quán

chữ A ở pháp giới nhất chân thanh tịnh, thường tu quán hạnh này. Lần lượt nghi quỹ trì tụng như đã nói trên, đến Chuẩn-đề chân ngôn. Từ đầu vô số, vô ký chuyên tinh niệm tụng. Phải sách tấn thân tâm, chớ nên biếng nhác, lúc sắp thành tựu, sẽ có khởi lên các thứ chướng ngại, nên làm phép: tức tai, hàng phục, v.v... Tùy theo căn tánh khác nhau của hành giả, khoảng thời gian này quyết chứng được Tam-muội hiện tiền. Tức ở trong định thấy có vô số Phật hội, nghe được pháp mầu nhiệm, chứng được địa vị Bồ-tát Thập Địa. (Một là pháp này, chỉ cầu xuất thế gian, nếu muốn thành tựu pháp này, trước hết phải trì tụng chân ngôn Chuẩn-đề được năm trăm vạn, bảy trăm vạn, hoặc một ngàn vạn biến, rồi mới thực hành pháp này, chắc chắn có linh nghiệm).

### CÁC HÀNH TƯỚNG THÀNH TỰU LINH NGHIỆM

Kinh Chuẩn-Đề Đà-Ra-Ni, kinh Kim Cương Đánh, kinh Tô-tất-địa, v.v... Cộng lại hơn mười bốn kinh đều nói chân ngôn, hành giả dụng công trì tụng. Hoặc mộng thấy Chư Phật, Bồ-tát, Thánh Tăng, Thiên Nữ. Hoặc mộng thấy tự thân bay lên hư không một cách tự tại; hoặc vượt qua biển lớn, hoặc trôi nổi trên sông Giang Hà, hay lên lầu gác, hoặc bay lên cây cao, hoặc trèo lên núi trắng, hoặc cỡi sư tử, ngựa, voi trắng, hoặc thấy hoa quả tốt đẹp. Hoặc mộng thấy mặc áo vàng, áo trắng Sa-môn. Hoặc nuốt vật trắng nhả vật đen. Hoặc ngậm nuốt, mặt trời, mặt trăng, v.v... tức là tướng trạng tội lỗi từ vô thủy tiêu diệt.

Hoặc đang lúc trì tụng thấy các thứ ánh sáng; hoặc thấy khắp trong hư không có các hoa kỳ lạ, đặc biệt. Hoặc thấy các Đức Phật, Bồ-tát, Thánh Tăng, trời Tiên, v.v... Hoặc thấy Tịnh Độ của Chư Phật, hoặc thấy tự mình đến các cõi Phật và cúng dường. Hoặc tạm thời gian trải qua nhiều kiếp. Hoặc thấy đèn sáng cao một thước, hai thước, cho đến một trượng. Hoặc trong hư không chẳng có lửa mà tự nhiên có khói. Hoặc thấy tượng Phật, phước lọng tự xoay động; hoặc nghe các âm thanh hay ho của Chư Phật, Bồ-tát.

Hoặc tự biết thân mình nguy nga, vòi vọi cao lớn. Hay răng rụng lại mọc, tóc trắng lại đen, hoặc thân thể trắng nhuận, không sinh rận rệp, hoặc tham, sân, si tự nhiên dứt mất. Hoặc tổng trì không quên, một chữ giảng nói nhiều nghĩa. Hoặc trí tuệ đốn sinh, tự nhiên thông hiểu tất cả kinh, luật, luận. Hoặc tất cả pháp môn Tam-muội tự nhiên hiện tiền. Hoặc phước đức đốn cao, bốn chúng đều quy ngưỡng, v.v... (văn kinh trên đây đã nói: Nay có những vị Tăng, Nho sĩ, mới tham học thiền lý, vừa thấy các tướng ấy cho là yêu dị. Đây chẳng những huỷ báng giáo



tối thượng thừa, mà cũng là đắc tội tà kiến, xả tướng, thủ tánh, lại không biết tướng kia, xưa nay là tánh).

Nếu gặp việc như trên, chỉ là phước tuệ thêm lớn, tướng trạng gần thành tựu, chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ khởi niệm lấy bỏ.

Nên quán những cảnh giới đã gặp, đều là chữ A hoặc chữ Lam v.v... Hoặc tưởng đều như mộng huyễn, hay đều là pháp giới nhất tâm, nếu được ứng nghiệm như vậy thì phải phát tu, sách tấn ba nghiệp, gia công trì tụng, không được khoe khoang nói những cảnh giới thấy trong Thần chú để đối gạt người. Chỉ có người đồng đạo, không vì danh lợi kính khen, thì mới được nói.

Sự thành tựu có chín phẩm:

1) Hạ Phẩm có ba:

a) Hạ phẩm thành tựu: nhiếp phục tất cả bốn chúng, hễ có năng cầu, đều dùng được tâm, tất cả trời rồng thường đến thăm hỏi, lại hàng phục tất cả trùng thú và quỷ mị, v.v...

b) Trung phẩm thành tựu: Có công năng sai sử tất cả tám bộ trời rồng, khai mở tất cả những kho báu giấu kín, hoặc cần vào cung Tu la, cung rồng liền được vào đó, đi ở tùy tâm.

c) Thượng phẩm thành tựu: Liền được đạo Tiên, nương hư không bay đi bay lại. Trên trời xuống đất đều được tự tại. Thế gian, xuất thế gian chẳng việc gì mà không đạt đến.

2) Trung phẩm có ba:

a) Hạ phẩm thành tựu: được làm vua trong các Tiên Chú, thọ vô số tuổi, phước đức trí tuệ ba cõi không thể sánh bằng.

b) Trung phẩm thành tựu: được thần thông qua lại các thế giới, làm vua Chuyển luân, sống lâu một kiếp.

c) Thượng phẩm thành tựu: Hiện chứng từ Bồ-tát Sơ địa trở lên.

3) Thượng phẩm có ba:

a) Hạ phẩm thành tựu: Được đến địa vị Bồ-tát đệ Ngũ địa trở lên.

b) Trung phẩm thành tựu: Được đến Bồ-tát đệ Bát địa trở lên.

c) Thượng phẩm thành tựu: ba mật biến thành ba thân, ngay trong đời này được chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Đây là chín phẩm thành tựu của người trì chú. Nếu cầu thẳng đến thành Phật thì chẳng cần cầu thành tựu ba hạ phẩm. Còn theo Thần Biến Sở thì có năm phẩm thành tựu:

1) Đến Tín vị.

2) Đến Sơ Địa.



- 3) Đến Tứ Địa.
- 4) Đến Bát Địa.
- 5) Đến thành Phật.

Đó là thuộc về kinh này, nay y theo các kinh cho nên nói chín phẩm, nghĩa là Chân ngôn Chuẩn-đề, bao gồm tất cả các bộ Thần chú.

Hỏi: Vì sao biết được Chuẩn-đề gồm các bộ Thần chú ?

Đáp: Nghĩa là trong một tạng kinh, Thần chú không ngoài hai mươi lăm bộ:

- 1) Phật bộ: Là các chú của Phật.
- 2) Liên Hoa bộ: Là các chú của Bồ-tát.
- 3) Kim Cương bộ: Là các chú của Thần Kim cương.
- 4) Bảo bộ: Là chú của các vị trời.
- 5) Yết-ma bộ: Là chú của các Quỷ thần.

Năm bộ này mỗi bộ gồm có năm bộ nhỏ, thành ra hai mươi lăm bộ. Nay Chuẩn-đề tổng nhiếp chung hai mươi lăm bộ, cho nên kinh Chuẩn-đề chép: Chỉ có một bộ mà nhiếp hai mươi lăm bộ. Lại nói rằng: Nếu muốn triệu thỉnh hai mươi lăm bộ như ma trời, v.v... chuyên tụng chú này, hễ thỉnh vị nào thì vị đó chắc chắn đến. Lại nói rằng: Ngũ bộ Kim Cương, Bốn vị Thiên Vương, đồng kết Tổng trì Tam-muội giới. Kinh Đại Giáo Vương có nói: Thất-Cu-Chi Như Lai, ba thân khen nói: Bồ-tát Chuẩn-đề chân ngôn năng độ tất cả Hiền Thánh. Nếu người trì tụng, tất cả điều mong cầu đều được thành tựu, không bao lâu chứng được đại quả Chuẩn-đề, cho nên biết chân ngôn Chuẩn-đề đứng đầu trong Mật tạng, là mẹ của các chân ngôn, là vua của các Thần chú.

Chân ngôn Chuẩn-đề nhiếp hết hai mươi lăm bộ chân ngôn, hoặc dùng hình tượng ấn pháp chữ phạm, v.v... mỗi mỗi khác nhau. Nay Chuẩn-đề kính đàn nhiếp chung tất cả các Đàn pháp này. Cho nên kinh Chuẩn-đề nói rằng: Nhiếp chung hai mươi lăm bộ. Đại Mạn-trà-la: Tiếng Phạm Mạn-Trà-La nghĩa là Đàn. Cho nên biết kính đàn rất tối tôn tối thượng, diệt được tất cả ma chướng, sinh ra tất cả công đức, mắt thấy, thân đeo đều được lợi lạc. Cho nên người xưa nói rằng: Đàn là sinh, sinh ra vô tận công đức. Đàn là tập, là chỗ vô biên Thánh Hiền nhóm hội. Như Ngọc Phương Chư hứng ánh sáng mặt trăng, liền có nước tươm ra. Đem kính (hội tụ) hứng ánh mặt trời, liền sinh ra lửa. Đá từ thạch dẫn hút kim loại. Hồ phách lượm hạt cải, các công dụng thật khó suy lường, huống chi là Đàn pháp không thể nghĩ bàn của Chư Phật! Nay có người ít nghe thấy, mê mờ không hiểu Mật giáo, thấy dùng kính đàn lại sinh huỷ báng. Nhưng các Đức Như Lai ba đời,

không hề có vị Phật nào không theo Đản pháp mà thành Phật đạo, để hoá độ chúng sinh. Mong những ai nghe thấy rộng rãi, hãy mau sửa đổi sự sai lầm đó.

Mật Giáo Tâm Yếu đến đây là hết.

Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu Quyển Thượng Hết.